

Số: 102/KHGD - HM

*Ea Kiết, Ngày 01 tháng 9 năm 2025*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ trường mầm non; Văn bản hợp nhất số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành chương trình Giáo dục mầm non; Quyết định số 01002/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Công văn số: 542/GDĐT-GDMN ngày 29 tháng 8 năm 2025 của phòng Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bậc học mầm non năm học 2025-2026;

Thực hiện Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường Mầm non Hoa Mai;

Căn cứ vào tình hình thực tế nhóm, lớp, địa phương.

Trường Mầm non Hoa Mai xây dựng kế hoạch giáo dục năm học cho các độ tuổi như sau:

**I. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ CẦN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

**1. Khối Lá**

Chủ đề: Trường Mầm non (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Bản thân: (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Gia đình: (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Nghề nghiệp: (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Động vật (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Thực vật Tết và Mùa xuân (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Giao thông (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề hiện tượng tự nhiên (Dự kiến 3 tuần)

Chủ đề: Quê hương, Đất nước, Bác Hồ, Trường tiểu học (Dự kiến 4 tuần)

(Tổng cộng 35 tuần)

**2. Khối mầm, chồi, nhóm trẻ**

Chủ đề: Trường Mầm non (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Bản thân: (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Gia đình: (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Nghề nghiệp: (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Động vật (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Thực vật Tết và Mùa xuân (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề: Giao thông (Dự kiến 4 tuần)

Chủ đề hiện tượng tự nhiên (Dự kiến 3 tuần)

Chủ đề: Quê hương, Đất nước, Bác Hồ. (Dự kiến 4 tuần)

(Tổng cộng 35 tuần)

## II. MỤC TIÊU CHUNG

Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; Tiếp tục tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định và sự tự nguyện của gia đình trẻ nếu có đủ điều kiện.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phối hợp thực hiện trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Thực hiện đảm bảo mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Bộ chuẩn cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT, ngày 27/12/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

## IV. MỤC TIÊU CỤ THỂ

### 1.NHÓM TRẺ 24-36 THÁNG

| Mục tiêu                                                                                                                                | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Thể chất.</b>                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>CS1:</b> Chiều cao cân nặng đạt mức quy định                                                                                         | Trẻ biết ăn đầy đủ các nhóm chất dinh dưỡng<br>Trẻ biết ăn hết suất ăn của mình                                                                                                                                                                              |
| <b>CS2:</b> Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng, bụng và chân                                         | Hô hấp: tập hít vào, thở ra<br>Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.<br>Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên<br>Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. |
| <b>CS3:</b> Giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay | Tập đi, chạy:<br>Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp<br>Đi có mang vật trên tay<br>Đi, chạy theo hướng thẳng<br>Đi, bước qua vật cản<br>Tập bước lên, xuống thang                                                                                          |

|                                                                                                                        |                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS4:</b> Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1 m: ném vào đích xa 1 – 1,2 m | Tập tung, ném, bắt: Ngồi lăn bóng Đứng tung bóng Lăn – bắt bóng cùng cô Ném bóng vào đích Tung bóng qua dây                                               |
| <b>CS5:</b> Phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.                                      | Tập bò, trườn: Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. Bò chui qua cổng. Bò, trườn qua vật cản Bò, trườn tới đích                                             |
| <b>CS6:</b> Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay                 | Tập ném, đá bóng về phía trước Ném bóng về phía trước bằng 1 tay Đá bóng về phía trước                                                                    |
| <b>CS7:</b> Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay                                                                         | Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, xoay cổ tay Vận động các ngón tay khéo léo                                                                       |
| <b>CS8:</b> Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp mắt trong vận động                                     | Đóng cọc bàn gỗ, nhóm nhặt đồ vật Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. Chắp ghép hình. Chồng, xếp 6-8 khối. Tập cầm bút tô, vẽ, lật mở trang sách. |
| <b>CS9:</b> Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.                                                                     | Trẻ cử động được khéo léo các đầu ngón tay Trẻ biết làm những công việc đơn giản như, hái lượm,..                                                         |
| <b>CS10:</b> Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ                                               | Tập đi, chạy: Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. Đi có mang vật trên tay. Chạy theo hướng thẳng. Đứng co 1 chân.                                      |
| <b>CS11:</b> Tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được các khối                                                 | Trẻ biết chơi, lắp ghép xếp theo khả năng của mình Trẻ thực hiện xếp chồng, xếp cách, xếp lồng,...2 ,4 khối với nhau cách khéo léo,                       |
| <b>CS12:</b> Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong ném,..                                                                 | Tập nhún bật: Bật tại chỗ. Bật qua vạch kẻ.                                                                                                               |

|                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS13:</b> Thực hiện được các động tác tung, ném                                    | - Tập tung, ném, bắt:<br>Tung - bắt bóng cùng cô.<br>Ném bóng về phía trước.<br>Ném bóng vào đích                                                                                                                                                                         |
| <b>CS14:</b> Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.        | Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.<br>Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.<br>Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. |
| <b>CS15:</b> Đi vệ sinh đúng nơi quy định, ngủ 1 giấc buổi trưa                       | Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định<br>Biết giữ gìn vệ sinh chung<br>Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.<br>Có thói quen tốt trong khi ngủ                                                                                                                                      |
| <b>CS16:</b> Làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn.                         | Tập tự phục vụ:<br>Xúc cơm, uống nước.<br>Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.<br>Chuẩn bị chỗ ngủ.                                                                                                                                           |
| <b>CS17:</b> Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.                          | Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.<br>Trẻ không tè dầm, trẻ biết nhu cầu đi vệ sinh của mình và biết nói với người lớn                                                                                                                                |
| <b>CS18:</b> Chấp nhận: đội mũ khi đi nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh | Nhận biết được khi đi nắng không đội mũ nón sẽ dễ bị ốm<br>Không mặc đủ quần áo ấm khi thời tiết lạnh sẽ bị cảm...                                                                                                                                                        |
| <b>CS19:</b> Làm được một số việc khi được người khác hướng dẫn                       | Trẻ biết làm tốt những công việc tự phục vụ<br>Trẻ biết làm những công việc hằng ngày để giúp đỡ người lớn<br>Trẻ biết làm những công việc theo yêu cầu                                                                                                                   |
| <b>CS20:</b> Biết tránh 1 số vận dụng, hành động, nơi nguy hiểm                       | Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.<br>Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.                                                                                                                     |

## 2. Nhận thức

|                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>* Nhận biết khám phá</b>                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>CS21:</b> Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác | Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.<br>Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.<br>Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. |
| <b>CS22:</b> Sờ nắn, nhìn,                                                                           | - Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan                                                                                                                                                                                        |

|                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.                                                                                      | Quan sát bằng mắt<br>Nếm bằng miệng<br>Ngửi bằng mũi<br>Sờ để cảm nhận                                                                                                                                                                         |
| <b>CS23:</b> Sử dụng được 1 số đồ dùng, đồ chơi                                                                                           | Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.<br>Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.                                                                                   |
| <b>CS24:</b> Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng | - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.<br>- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.<br>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. |
| <b>CS25:</b> Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của người gần gũi                                                                 | + Tìm đồ vật vừa mới cất giấu<br>+ Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh.                                                                                                                                                                  |
| <b>CS26:</b> Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.                                                            | + Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân                                                                                                                                                              |
| <b>CS27:</b> Chỉ hoặc nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.                                                      | + Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.<br>+ Trẻ biết nhận biết tên của mình, tên của bạn đồ dùng của mình và của bạn<br>+ Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.                                                        |
| <b>CS28:</b> Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi                                                                                             | + Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.                                                                                                                                                                |
| <b>CS29:</b> Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc                                                                           | + Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.<br>+ Phân loại được các phương tiện giao thông qua các đặc điểm nổi bật                                                                                               |
| <b>CS30:</b> Nhận biết một số con vật quen thuộc                                                                                          | + Tên và một số đặc điểm nổi bật, lợi ích của các con vật quen thuộc                                                                                                                                                                           |
| <b>CS31:</b> Nhận biết một số loại quả, hoa, lá, cây.. quen thuộc                                                                         | + Tên và một số đặc điểm nổi bật của một số loại: cây, rau, củ, hoa, quả quen thuộc.                                                                                                                                                           |
| <b>CS32:</b> Nhận biết số lượng                                                                                                           | + Số lượng một - nhiều.                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>CS33:</b> Nhận biết vị trí trong không gian                                                                                            | Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.                                                                                                                                                                        |
| <b>CS34:</b> Nhận biết được 1 số hiện tượng tự nhiên                                                                                      | Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.<br>Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật                                                                                                                         |

|                                                                                                |                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                | và cây theo mùa                                                                                                                                                                              |
| <b>CS35:</b> Nhận biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm                                      | Sự khác nhau giữa ngày và đêm.<br>Sự khác nhau giữa mặt trời và mặt trăng                                                                                                                    |
| <b>CS 36:</b> Dùng điệu bộ hoặc chỉ tay vào bộ phận của cơ thể, đồ dùng, đồ chơi.khi được hỏi. | Trẻ biết thể hiện được nhu cầu, ý muốn của mình, ý muốn của người khác khi được hỏi đến                                                                                                      |
| <b>CS37:</b> Nhận biết không khí, ánh sáng, đất, cát sỏi, đá                                   | Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây<br>Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi                                            |
| <b>CS38:</b> Trẻ nhận biết một số nghề trong xã hội                                            | Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương                                                                                 |
| <b>CS39:</b> Trẻ nhận biết một số danh lam thắng cảnh                                          | Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.                                                                             |
| <b>* Nhận biết phân biệt</b>                                                                   |                                                                                                                                                                                              |
| <b>CS40:</b> Trẻ nhận biết, định hướng không gian, thời gian                                   | Trẻ biết phía trước của bản thân, phía sau của bản thân trẻ có những gì?...<br>phía trên và phía dưới                                                                                        |
| <b>CS41:</b> Trẻ nhận biết được các màu cơ bản                                                 | Trẻ nhận biết, phân biệt được các màu cơ bản: màu xanh, màu đỏ, màu vàng                                                                                                                     |
| <b>CS42:</b> Trẻ nhận biết kích thước của các đồ dùng, đồ chơi, các vận dụng xung quanh trẻ    | Trẻ biết nhận biết và phân biệt kích thước to –nhỏ của các đồ dùng đồ chơi của các vật dụng xung quanh mình                                                                                  |
| <b>CS43:</b> Trẻ nhận biết các hình dạng, những đồ vật có hình dạng quen thuộc xung quanh trẻ  | Trẻ nhận biết, phân biệt được hình vuông, hình tròn, và các đồ vật xung quanh trẻ có những hình dạng quen thuộc.<br>Trẻ nhận biết được các hình dạng khi quan sát các đồ vật xung quanh mình |
| <b>CS44:</b> Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích                                      | Trẻ thích khám phá đồ chơi, để khám phá công dụng, cách sử dụng, ...                                                                                                                         |
| <b>CS45:</b> Thích quan sát một số con vật xung quanh trẻ                                      | Tên gọi và đặc điểm của các con vật quen thuộc<br>Lợi ích và tác hại của chúng đối với con người                                                                                             |
| <b>* Hoạt động với đồ vật</b>                                                                  |                                                                                                                                                                                              |

|                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS 46:</b> Trẻ biết tháo lắp lồng hộp vuông, tròn, đồ dùng, đồ chơi, ...xếp chồng được 2-3 khối trụ. | Tháo, lắp lồng hộp vuông, tròn, ...<br>Tháo lắp lego, đồ chơi<br>Trẻ biết chơi, lắp ghép xếp theo khả năng của mình<br>Trẻ thực hiện xếp chồng, xếp cách, xếp lồng,... 2 , 4, khối với nhau cách khéo léo. |
| <b>CS47:</b> Trẻ nhận biết được các đồ dùng, đồ chơi, các hạt, ...                                      | Trẻ nhận biết được tên gọi, đặc điểm, công dụng của các đồ dùng, đồ chơi<br>Trẻ biết nhận biết, sử dụng các hạt, dây xâu, để tạo thành các vòng theo yêu cầu.                                              |
| <b>CS48:</b> Trẻ nhận biết các loại đồ dùng như: Bóng, hoa...                                           | Trẻ biết chơi với các vật dụng, đồ chơi: như Hoa, bóng...<br>Biết được công dụng của đồ chơi                                                                                                               |
| <b>CS49:</b> Trẻ nhận biết, có kỹ năng lắp ghép                                                         | Trẻ biết sử dụng các khối, các hộp... để có thể rèn kỹ năng xếp, lắp ghép, tạo thành bàn ghế, ...<br>Trẻ biết lắp ghép theo sở thích của mình để tạo thành sản phẩm có ý nghĩa                             |
| <b>CS50:</b> Trẻ thích thú khám phá những chai nhựa, hộp sữa...                                         | Trẻ ham thích, vui vẻ, khám phá, với các loại chai nhựa, các loại hộp: như hộp sữa...<br>Trẻ biết được chất liệu, công dụng của các chai nhựa, hộp sữa                                                     |
| <b>CS51:</b> Trẻ khéo léo, có kỹ năng xếp chồng, xếp cách...                                            | Trẻ khéo léo biết xếp chồng nhiều khối lên với nhau, biết xếp cách, xếp liên...<br>Xếp chồng 2-3 khối trụ                                                                                                  |
| <b>CS52:</b> Trẻ nhận biết các hình, các dạng và bề mặt các loại hình khác nhau                         | Trẻ được tiếp xúc, được chơi, được hoạt động với các loại hình khác nhau...<br>Trẻ biết lăn, sờ, tiếp xúc và cảm nhận được cấu tạo, đặc điểm của các hình.                                                 |
| <b>CS53:</b> Trẻ sử dụng đôi bàn tay để di chuyển các đồ vật, đồ chơi, ...                              | Trẻ di chuyển đồ dùng đồ chơi 1 cách khéo léo<br>Trẻ biết chuyển đồ vật bằng thìa<br>Nhặt, gấp đồ vật                                                                                                      |
| <b>3. Ngôn ngữ</b>                                                                                      |                                                                                                                                                                                                            |
| <b>CS54:</b> Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động                                                 | Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói<br>Nghe các câu hỏi : cái gì, làm gì....                                                                                                                        |
| <b>CS55:</b> Trả lời được các câu hỏi đơn giản “ ai đây, ăn cơm chưa..”                                 | Biết trả lời các câu hỏi đơn giản của người khác<br>Biết đặt câu hỏi khi có thắc mắc cần được giải đáp                                                                                                     |
| <b>CS56:</b> Hiểu nội dung chuyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện,..              | Kể lại được đoạn truyện nghe nhiều lần, có sự gợi ý<br>Biết trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung câu chuyện                                                                                     |

|                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS57:</b> Phát âm rõ tiếng                                                                                    | Trẻ phát âm các âm khác nhau<br>Đọc các bài thơ, đoạn thơ có 3- 4 tiếng                                                                                                                                        |
| <b>CS58:</b> Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.                                      | Trẻ nghe và đọc được các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố bài hát và truyện ngắn<br>Trẻ thuộc thơ, đồng dao, ca dao... và thể hiện qua giọng đọc của mình.                                             |
| <b>CS59:</b> Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc | Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng<br>Nói được câu có 5-7 tiếng<br>Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 2 câu đơn giản và câu dài.                                                     |
| <b>CS60:</b> Nói to, rõ, đủ nghe, lễ phép                                                                        | Trẻ biết nói đúng, nói rõ ràng<br>Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn                                                                                                              |
| <b>CS61:</b> Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ                                                                       | Sử dụng các từ, các tiếng,... con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp<br>Phát âm rõ ràng, chính xác các từ Tiếng Việt                                                                          |
| <b>CS62:</b> Trẻ tập nói                                                                                         | Trẻ phát âm rõ ràng các tiếng cùng cô<br>Trẻ nói được một số câu, từ đơn giản                                                                                                                                  |
| <b>4. Tình cảm- xã hội và thẩm mỹ</b>                                                                            |                                                                                                                                                                                                                |
| <b>CS63:</b> Nói được một vài thông tin về mình                                                                  | Trẻ biết tên của mình, tên bố, mẹ, anh, chị, em...<br>Trẻ nói được tuổi, giới tính, sở thích của bản thân<br>Trẻ nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân                                     |
| <b>CS64:</b> Nói được 1 vài đồ chơi mà trẻ thích                                                                 | Nhận biết 1 số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình<br>Nói được tên gọi, đặc điểm, công dụng của đồ chơi                                                                                                        |
| <b>CS65:</b> Thể hiện điều mình thích và không thích                                                             | + Trẻ có thái độ đúng đắn với những việc đúng và không đúng<br>+ Thể hiện cái việc mình thích thể hiện qua các công việc, trò chơi...                                                                          |
| <b>CS66:</b> Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói                                      | + Thích giao tiếp với cô, với bạn<br>+ Biết giao tiếp với người xung quanh                                                                                                                                     |
| <b>CS67:</b> Nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui buồn sợ hãi qua nét mặt cử chỉ                     | + Trẻ biết thể hiện thái độ với những trạng thái của bản thân: biết vui, buồn, sợ hãi,...<br>+ Trẻ cảm nhận được trạng thái, cảm xúc của bản thân<br>+ Trẻ biểu lộ cảm xúc của mình khi tham gia các hoạt động |
| <b>CS68:</b> Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật gần gũi                                                    | + Trẻ biết yêu quý, chăm sóc các con vật: bằng cách thể hiện qua trò chơi, qua chăm sóc hàng ngày...<br>+ Thể hiện được tình cảm của mình khi được tiếp xúc với con vật mà mình yêu thích                      |
| <b>CS69:</b> Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, ă,                                                            | Thực hiện đúng 1 số hành vi xã hội đơn giản<br>Trẻ biết chào hỏi khi gặp người khác, tạm biệt khi                                                                                                              |

|                                                                                               |                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| vâng ạ                                                                                        | chia tay<br>Biết cảm ơn khi được giúp đỡ và xin lỗi khi làm sai                                                                                                                                         |
| <b>CS70:</b> Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua các trò chơi                    | Thực hiện một số hành vi, văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn...<br>Biết chơi cạnh bạn, không cầu bạn...<br>Nhận sự giúp đỡ của người khác và biết giúp người khác khi họ gặp khó khăn          |
| <b>CS71:</b> Chơi thân thiện cạnh các trẻ khác, thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn          | Chơi thân thiện với bạn : chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn<br>Biết nhường đồ chơi cho bạn<br>Biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên<br>Biết thu dọn đồ chơi khi chơi xong |
| <b>CS72:</b> Nhận biết tình cảm, cảm xúc giữa con người, con vật, với xung quanh              | Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói<br>Biết yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến những người xung quanh trẻ                                  |
| <b>Âm nhạc- tạo hình</b>                                                                      |                                                                                                                                                                                                         |
| <b>CS73:</b> Trẻ biết hát, hát đúng những bài hát theo chủ đề                                 | Trẻ biết tên và nội dung của các bài hát thuộc chủ đề Trẻ thuộc và hát đúng giai điệu bài hát                                                                                                           |
| <b>CS74:</b> Trẻ biết thể hiện, vận động đơn giản theo 1 số bài hát                           | Trẻ biết hát và vận động theo nhạc, từ đơn giản, đến khó dần... một số bài hát, 1 số bản nhạc...<br>Biết vận động theo ý thích                                                                          |
| <b>CS75:</b> Trẻ hứng thú với những bản nhạc, bài hát, biết nghe âm thanh của 1 số nhạc cụ... | Thể hiện sự hứng thú khi nghe nhạc<br>Thích thú với âm thanh của một số loại nhạc cụ<br>Biết tên gọi của bài hát, nhạc cụ khi trẻ được tiếp xúc                                                         |
| <b>CS76:</b> Trẻ thích thú cảm nhận được cái đẹp, sản phẩm do mình và bạn làm ra              | Trẻ biết giữ gìn 1 số sản phẩm đẹp do mình và các bạn tạo ra<br>Trẻ thích làm ra nhiều sản phẩm đẹp như vậy.                                                                                            |
| <b>CS77:</b> Trẻ thích vẽ thích xem tranh                                                     | Trẻ tập cầm bút để nguệ ngoạc các đường đơn giản<br>Thích thú với môn học                                                                                                                               |
| <b>CS78:</b> Trẻ biết xé nặn, xếp hình, xếp tranh..                                           | Trẻ biết xé dán theo các đường<br>Thích di màu<br>Thích xếp hình, thích nặn...                                                                                                                          |
| <b>CS79:</b> Trẻ có 1 số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc                                      | Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.<br>Múa minh họa bài hát                                                                                                                     |

|                                                           |                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS80:</b> Bước đầu làm quen với các vật liệu tạo hình. | Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm<br>Trẻ lựa chọn nguyên vật liệu mình thích để tạo ra sản phẩm tạo hình |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## 2. MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

### \*Mục tiêu cụ thể

| MỤC TIÊU                                                                         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Thể chất</b>                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CS1:</b> Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách bắt chước tập theo cô tất cả các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn</li> <li>- Tổ ra thích thú khi được cô hướng dẫn tập</li> </ul>                                                                                                                                                                                      |
| <b>CS2:</b> Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các bài vận động bật- nhảy. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật về phía trước</li> <li>- Bật xa 20-25 cm</li> <li>- Bật tại chỗ</li> <li>- Bật tách khép chân qua 3 ô.</li> <li>- Nhảy lò cò 2m</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |
| <b>CS3:</b> Thể hiện sự khéo léo, giữ được thăng bằng khi tập với ghế thể dục    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi ngang bước dồn trên ghế thể dục</li> <li>- Đi tự do trên ghế thể dục không bị té ngã</li> <li>- Tay cầm bóng đi trên ghế thể dục</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |
| <b>CS4:</b> Kiểm soát được vận động đi/ chạy theo hiệu lệnh                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh:</li> <li>- Đi kiễng gót liên tục 3m</li> <li>- Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)</li> <li>- Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài</li> <li>- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng:</li> </ul> |
| <b>CS5:</b> Phối hợp tay- mắt trong các bài vận động với bóng                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m)</li> <li>- Tự đập - bắt bóng (đường kính bóng 18cm):</li> <li>- Lăn bóng xuống sàn bằng 2 tay</li> <li>- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang</li> <li>- Chuyển bắt bóng qua đầu</li> </ul>                                                                 |
| <b>CS6:</b> Trẻ khéo léo trong các bài tập thể dục bò, trườn, trèo               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò bằng bàn tay và bàn chân 2- 3 m.</li> <li>- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m), không chệch ra ngoài</li> <li>- Bò chui qua cổng</li> <li>- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm)</li> <li>- Trườn về phía trước</li> <li>- Bò liên tục theo đường dích dắc cách 3-4 điểm</li> </ul>                                                        |
| <b>CS7:</b> Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi kiễng chân- bò zích zắc</li> <li>- Bò thấp, bật ô</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS8:</b> Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném:                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 1,5</li> <li>- Ném trúng đích thẳng đứng</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Ném xa bằng 2 tay</li> </ul>                                                                                                                                                        |
| <b>CS9:</b> Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp với bóng        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển bóng qua đầu, qua chân, chạy theo hướng thẳng</li> <li>- Bật qua dây, chuyển bóng sang 2 bên</li> </ul>                                                                                                                                                                                |
| <b>CS10:</b> Thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay. Gập, đan ngón tay vào nhau. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết gập rồi đan các ngón tay vào nhau</li> <li>- Biết cách xoay các ngón tay, xoay tròn cổ tay</li> <li>- Thực hiện thuần thục trong các bài thể dục theo hướng dẫn, các bài thể dục nghỉ giữa giờ và trong các hoạt động hàng ngày của trẻ.</li> </ul>                                  |
| <b>CS11:</b> Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay vẽ được hình tròn theo mẫu.        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách cầm bút màu bằng tay phải</li> <li>- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay vẽ được hình tròn theo mẫu và biết nói tên sản phẩm mình vừa vẽ theo tưởng tượng (vd: con vật, vẽ hoa, vẽ ông mặt trời, vẽ quả bóng, ...)</li> </ul>                                                   |
| <b>CS12:</b> Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách cầm kéo bằng tay phải</li> <li>- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</li> <li>- Hứng thú thực hiện với các loại nguyên vật liệu khác nhau trong một số hoạt động như hoạt động ngoài trời, góc phân vai trong tiết học tạo hình...</li> </ul> |
| <b>CS13:</b> Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được những khối nào có thể xếp chồng</li> <li>- Biết cách xếp chồng 8 - 10 khối khác nhau không đổ</li> <li>- Biết cách vận dụng cách xếp chồng khối để xếp thành đồ chơi theo tưởng tượng của trẻ</li> </ul>                                                                            |
| <b>CS14:</b> Tự cài, cởi cúc                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay để cài và cởi cúc đúng cách</li> <li>- Biết cài và mở được tất cả các cúc trong quần áo trẻ mặc</li> <li>- Biết nhờ sự giúp đỡ khi cúc bị kẹt hoặc khó mở</li> </ul>                                                                        |
| <b>CS15:</b> Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chỉ và nói đúng tên một số loại rau quả quen thuộc</li> <li>- Biết chỉ hoặc gọi đúng tên một số thực phẩm</li> </ul>                                                                                                                                                                     |
| <b>CS16:</b> Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chỉ hoặc gọi tên một số món ăn quen thuộc hàng ngày</li> <li>- Biết ích lợi của việc ăn uống đủ chất với sức khỏe</li> <li>- Biết dùng tên của các món ăn đó trong khi</li> </ul>                                                                                                        |

|                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                      | chơi trò chơi phân vai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CS17:</b> Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ ăn hết các suất ăn cô chia hàng ngày</li> <li>- Biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</li> <li>- Không kén chọn thức ăn và biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh.</li> </ul>                                                                                |
| <b>CS18:</b> Thực hiện được một số việc đơn giản như rửa tay, lau mặt, súc miệng...với sự giúp đỡ của người lớn                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, khi tay bẩn và sau khi đi vệ sinh giúp đỡ của người lớn</li> <li>- Tự súc miệng và lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn</li> <li>- Làm quen cách đánh răng, súc miệng, rửa tay, lau mặt trong giờ vệ sinh tại lớp, giáo dục trẻ đánh răng lúc ở nhà</li> </ul>            |
| <b>CS19:</b> Tháo tất, cởi quần, áo ...với sự giúp đỡ của người lớn                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tháo tất, cởi quần, áo, ...khi bẩn</li> <li>- Biết tìm sự hỗ trợ từ người khác</li> <li>- Biết cách trình bày đề nghị người khác giúp đỡ</li> <li>- Biết trang phục theo mùa đơn giản</li> </ul>                                                                                                            |
| <b>CS20:</b> Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm thìa tay phải, cầm bát tay trái</li> <li>- Khi xúc ăn không làm rơi vãi cơm</li> <li>- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách trong giờ ăn và hoạt động vui chơi như đóng vai bán hàng ăn uống.</li> </ul>                                                                                                         |
| <b>CS21:</b> Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi, không ăn thức ăn ôi thiu, rau quả chưa rửa sạch...                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết dấu hiệu của một số đồ ăn bị nhiễm bẩn, ôi thiu</li> <li>- Không ăn, uống những thức ăn đó</li> <li>- Biết nhắc nhở hoặc báo với người lớn khi bạn mình ăn, uống những thức ăn đó.</li> </ul>                                                                                                               |
| <b>CS22:</b> Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. .. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết một số hành vi tốt trong vệ sinh</li> <li>- Biết được một số việc cần phải làm để bảo vệ sức khỏe như mặc áo ấm, vệ sinh răng miệng...</li> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người</li> <li>- Nhắc nhở bạn cùng thực hiện giống mình</li> </ul> |
| <b>CS23:</b> Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số biểu hiện khi ốm.</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu</li> <li>- Biết cách tỏ thái độ phù hợp khi bạn bị đau, chảy máu và nói với người lớn khi bạn bị đau, chảy máu.</li> </ul>                                                                                                  |
| <b>CS24:</b> Biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm</li> <li>- Không sử dụng những vật dễ gây nguy hiểm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                               |

|                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| đang đun, phích nước nóng ... )<br>khi được nhắc nhở.                                                                                                                                                                               | để chơi khi không được người lớn cho phép<br>- Nhắc nhở hoặc báo người lớn khi thấy bạn sử dụng những đồ vật gây nguy hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>CS25:</b> Nhận ra và biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.                                                                                                                       | - Trẻ biết được ao hồ, sông suối...là những nơi dễ xảy ra tai nạn nguy hiểm cần phải tránh xa.<br>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp cần gọi người lớn giúp đỡ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>CS26:</b> Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... Không tự lấy thuốc uống. Không leo trèo bàn ghế, lan can. Không nghịch các vật sắc nhọn | - Nhận ra một số việc làm gây nguy hiểm: Trẻ biết tránh không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt .... Biết được những hành động đó nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng, không lịch sự...Trẻ không tự lấy thuốc uống. Vì như thế dẫn đến ngộ độc thuốc, cô giáo dục trẻ mọi lúc mọi nơi, trong giờ hoạt động góc ...<br>- Không sử dụng những đồ vật dễ nguy hiểm để chơi khi không được người lớn cho phép<br>- Nhắc nhở hoặc báo người lớn khi thấy người khác làm một số việc có thể gây nguy hiểm |
| <b>CS27:</b> Dán hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn                                                                                                                                                                      | - Bôi hồ đều<br>- Các hình được dán vào đúng vị trí quy định<br>- Sản phẩm không bị rách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CS28:</b> Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp                                                                                                                                                                         | - Biết được những người lạ có thể gây nguy hiểm<br>- Biết không được nhận quà bánh, đồ chơi của người lạ<br>- Biết không được đi theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp khi không được sự cho phép của cô giáo<br>- Biết kêu lên hoặc báo với cô giáo nếu mình hoặc bạn mình có người lạ rủ đi ra khỏi khu vực trường lớp.                                                                                                                                                                                                |
| <b>CS29:</b> Biết giữ gìn sức khỏe và an toàn                                                                                                                                                                                       | - Biết biểu hiện khi ốm<br>- Biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>2. Nhận thức</b>                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Khám phá khoa học</b>                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CS30:</b> Trẻ tìm hiểu đặc điểm khái quát của một số từ                                                                                                                                                                          | - Đặc điểm, lợi ích, công dụng, tác hại của đồ dùng, đồ chơi, con vật....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>CS31:</b> Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, thích tìm hiểu một số bộ phận của cơ thể con người và chức năng của chúng                                                                                                 | - Các giác quan và bộ phận trên cơ thể<br>- Sự lớn lên của bé<br>- Khuôn mặt bé<br>- Bé cần gì để lớn lên<br>- Chức năng của các giác quan và một số bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                    | phận trên cơ thể như mắt, mũi...                                                                                                                                                                                                     |
| <b>CS32:</b> Trẻ biết các bộ phận trên cơ thể con người                                            | - Chức năng của giác quan và một số bộ phận khác trên cơ thể                                                                                                                                                                         |
| <b>CS33:</b> Nói được đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống                          | - Đặc điểm của các mùa trong năm<br>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa<br>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật, cây cối...                                                            |
| <b>CS34:</b> Biết được đặc điểm nổi bật công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi                   | - Đặc điểm: tên gọi, màu sắc<br>- Công dụng và chất liệu của một số đồ dùng quen thuộc<br>- Trang phục<br>- Đồ chơi của bé, đồ dùng trong gia đình.                                                                                  |
| <b>CS35:</b> Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra                                | - Tập trung quan sát tranh<br>- Nhận xét được thời tiết, nội dung tranh về thời tiết<br>- Quan sát, đoán được hiện tượng thiên nhiên xảy ra tiếp theo.                                                                               |
| <b>CS36:</b> Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng                | - Nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày<br>- Nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 3,4 đồ dùng và sử dụng các từ khái quát để gọi tên nhóm theo công dụng và chất liệu |
| <b>CS37:</b> Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.                                            | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương...                                                                                                                                |
| <b>CS38:</b> Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự, Phân biệt được các ngày qua các sự kiện | - Thời gian một ngày, một tuần<br>- Ngày đầu tuần và cuối tuần, hôm qua, hôm nay.<br>- Gọi tên thứ tự các ngày trong tuần<br>- Biết được công việc của các ngày: hôm qua, hôm nay, ngày mai.                                         |
| <b>CS39:</b> Hay đặt câu hỏi                                                                       | - Sự hiểu biết, tò mò trước việc lạ<br>- Thể hiện sự khám phá, tìm tòi học hỏi sự vật xung quanh<br>- Nói rõ ràng, trọn câu<br>- Quan sát sự vật, hiện tượng, người...xung quanh                                                     |
| <b>CS40:</b> Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.       | - Biết một số PTGT: đường bộ, đường thủy, hàng không...                                                                                                                                                                              |
| <b>CS41:</b> Trẻ biết được đặc điểm nổi bật, ích lợi của cây, hoa, quả                             | - Gọi tên, so sánh, nhận xét cây về màu sắc, hình dạng, kích thước.                                                                                                                                                                  |

|                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| quen thuộc, mối liên hệ giữa cây với môi trường sống                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>CS42:</b> Trẻ biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của các con vật quen thuộc, một vài mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống, cách chăm sóc và bảo vệ chúng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số con vật gần gũi, mô tả về các con vật: trong nhà, dưới nước, trong rừng...</li> <li>- Biết liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo con vật với môi trường sống, vận động và cách kiếm ăn của chúng.</li> </ul>                                                                              |
| <b>CS43:</b> Biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, các hiện tượng thời tiết                                                                                        | - Quan sát nhận xét các hiện tượng: Vì sao có mưa? Mặt trời, mặt trăng và các vì sao...                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>CS44:</b> Trẻ biết về nguồn nước và ánh sáng                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, tính chất của nước: sự hòa tan, sự đổi màu...</li> <li>- Ích lợi của nước đối với đời sống</li> <li>- Ích lợi của ánh sáng đối với đời sống</li> </ul>                                                                                                                                        |
| <b>CS45:</b> Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.</li> <li>- Biết cô giáo là người chăm sóc và dạy trẻ học</li> <li>- Biết tên được 1, 2 bạn mà trẻ thường chơi hoặc ngồi cùng</li> <li>- Biết tên một số đồ dùng, đồ chơi của lớp</li> </ul>                                                        |
| <b>CS46:</b> Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện tranh ảnh</li> <li>- Kể tên một số đặc điểm đặc trưng của ngày lễ hội đó</li> </ul>                                                                                                    |
| <b>CS47:</b> Nói được tên, công việc của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Nói được địa chỉ của gia đình.                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được tên của bố mẹ, các thành viên anh chị em ....trong gia đình</li> <li>- Biết bố mẹ và các thành viên trong gia đình làm công việc gì</li> <li>- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi</li> </ul>                                                                                           |
| <b>CS48:</b> Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi nơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/bệnh viện ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến</li> <li>- Chỉ hoặc gọi tên được Cờ Tổ quốc</li> <li>- Chỉ hoặc gọi tên được một vài di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương.</li> </ul> |
| <b>Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>CS49:</b> Biết đếm từ 1 đến 5, biết chữ số từ 1 đến 5.                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trong phạm vi 2,3, 4, 5 và đếm theo khả năng</li> <li>- Biết các chữ số từ 1- 5 theo thứ tự</li> <li>- Chọn và đặt số tương ứng với các nhóm có</li> </ul>                                                                                                                                          |

|                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                     | số lượng trong phạm vi 1-5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>CS50:</b> Biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tách một nhóm thành 2 nhóm nhỏ theo các cách khác nhau</li> <li>- Gộp các nhóm đối tượng và đếm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>CS51:</b> Có khả năng biết một và nhiều các đối tượng                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một đối tượng riêng lẻ có số lượng là 1. nhận biết số lượng 1</li> <li>- Gộp nhiều đối tượng riêng lẻ tách một nhóm có nhiều đối tượng.</li> <li>- Phân biệt 1 và nhiều, dùng từ diễn đạt chính xác “một”, “nhiều”</li> </ul>                                                                                                                                      |
| <b>CS52:</b> Biết xếp tương ứng                                                                     | - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>CS53:</b> Biết xếp hai nhóm đối tượng cùng loại và đếm trong phạm vi 5                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp các đối tượng giống nhau về tên gọi, chủng loại trong phạm vi 5 và đếm, diễn đạt kết quả chính xác.</li> <li>- Xếp các vật giống nhau (mỗi nhóm có số lượng ít hơn hoặc bằng 2) và đếm.</li> <li>- Xếp hai đối tượng (mỗi nhóm có số lượng là 2) và đếm.</li> <li>- Gộp hai đối tượng ( một nhóm có 2 đối tượng, một nhóm có 3 đối tượng) và đếm...</li> </ul> |
| <b>CS54:</b> Biết so sánh, sắp xếp theo quy tắc                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh 2 đối tượng về kích thước.</li> <li>- Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ 1:1</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>CS55:</b> Nhận biết, gọi tên các hình, và nhận dạng các hình đó trong thực tế.                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi tên các hình: hình vuông, tròn, tam giác... và nhận dạng các hình trong thực tế</li> <li>- Sử dụng các hình hình học để lắp ghép</li> </ul>                                                                                                                                                                                                               |
| <b>CS56:</b> Có khả năng định hướng trong không gian và thời gian                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước</li> <li>- phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>3. Ngôn ngữ</b>                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CS57:</b> Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra cảm xúc vui, buồn, âu yếm, ngạc nhiên.... của người khác qua lời nói</li> <li>- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói</li> <li>- Thông cảm, chia sẻ với người khác</li> </ul>                                                                                                                                                        |
| <b>CS58:</b> Nghe hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết trả lời lại bằng những hành động, lời nói phù hợp</li> <li>- Thực hiện được theo lời chỉ dẫn của các hành động có liên quan trực tiếp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                              |
| <b>CS59:</b> Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe, hiểu các từ chỉ người lớn</li> <li>- Nghe, hiểu các từ chỉ hành động: Đi về phía trước, giơ tay cao lên, ngồi xuống, đứng lên</li> <li>- Nghe nhiều âm thanh khác nhau trong cuộc sống: tiếng mưa rơi, tiếng nước chảy, tiếng xe...</li> </ul>                                                                                                               |
| <b>CS60:</b> Nghe hiểu nội dung câu                                                                 | - Nghe, hiểu nội dung chính của câu chuyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. Đọc thuộc bài thơ.                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các tình huống nhân vật trong truyện, tên tính cách nhân vật.</li> <li>- Nội dung bài ca dao, đồng dao dành cho tuổi mầm non</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>CS61:</b> Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu bài thơ, ca dao, đồng dao, đơn giản phù hợp với độ tuổi | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè trong các chủ đề khác nhau</li> <li>- Tìm hiểu nội dung, vần điệu, nhịp điệu các bài đồng dao, ca dao qua trò chuyện, giảng bài</li> <li>- Hướng dẫn trẻ đọc kết hợp theo vần điệu, nhịp điệu các câu thơ, những bài đồng dao, ca dao nhẹ nhàng, vui vẻ...</li> </ul>                            |
| <b>CS62:</b> Biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự trợ giúp của cô.                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung quan sát tranh</li> <li>- Nhớ được nội dung tranh</li> <li>- Sắp xếp tranh theo đúng thứ tự nội dung truyện</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CS63:</b> Biết nói rõ ràng, trợn câu                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm đúng theo các phụ âm.</li> <li>- Phát âm đúng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được</li> <li>- Sử dụng lời nói rõ ràng, nói với âm lượng vừa đủ.</li> </ul>                                                                                                                                                                             |
| <b>CS64:</b> Có khả năng biểu đạt suy nghĩ, nhu cầu bằng lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm rõ các tiếng Việt</li> <li>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, ...</li> <li>- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì?...</li> <li>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu.</li> <li>- Dạy trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò vè...</li> <li>- Tập cho trẻ chơi trò chơi dân gian.</li> </ul> |
| <b>CS65:</b> Biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho trẻ tiếp xúc với chữ, sách truyện...</li> <li>- Xem và nghe cô đọc các loại sách, truyện: thơ, truyện...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>CS66.</b> Không nói leo, không ngắt lời người khác khi nói chuyện                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt</li> <li>- Không chen vào khi người khác đang nói</li> <li>- Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, đặt các câu hỏi, ý kiến của mình...</li> </ul>                                                                                                                                                                    |
| <b>CS67:</b> Không nói tục chửi bậy                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>4. Tình cảm - xã hội</b>                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>CS68:</b> Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, những điều bé thích, không thích                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân trong giờ trò chuyện, trong tiết học.</li> <li>- Những điều bé thích và không thích: thích ăn gì, chơi gì, học gì...</li> </ul>                                                                                                                                                                                   |

|                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS69:</b> Biết yêu mến, quan tâm, giúp đỡ người thân trong gia đình, bạn bè của mình          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- An ủi người thân hoặc bạn bè khi họ ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hành động</li> <li>- Thể hiện thái độ, hành động cụ thể phù hợp khi người thân hay bạn bè bị ốm mệt, buồn rầu</li> </ul>                                                                       |
| <b>CS70:</b> Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.                  | Trẻ tham gia vào hoạt động học tập, vui chơi một cách tự tin, mạnh dạn, tự tin trả lời các câu hỏi.                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CS71:</b> Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sẵn sàng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...) trong các hoạt động học và vui chơi.</li> <li>- Có trách nhiệm làm cho đến khi xong công việc, không bỏ dở giữa chừng</li> <li>- Trẻ có kỹ năng cài cúc áo, khâu dây giày.</li> </ul> |
| <b>CS72:</b> Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra được cách thể hiện cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói trong giao tiếp</li> <li>- Biết cách biểu lộ các cảm xúc của bản thân (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) khi giao tiếp</li> </ul>                                                 |
| <b>CS73:</b> Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết BH là ai, nhận ra hình ảnh Bác</li> <li>- Biết cách thể hiện tình cảm đối với Bác</li> </ul>                                                                                                                                                                  |
| <b>CS74:</b> Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</li> <li>- Biết cách thể hiện tình cảm của mình khi nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ</li> </ul>                                                                            |
| <b>CS75:</b> Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ, đi bên lề phải của đường...</li> <li>- Nhắc nhở bạn khi bạn làm sai các quy định đó</li> </ul>                           |
| <b>CS76:</b> Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết các quy tắc trong sinh hoạt hằng ngày : chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn, nói cảm ơn khi được giúp đỡ, cho quà ; xin lỗi khi có hành vi không phù hợp khi được nhắc nhở</li> <li>- Tự giác thực hiện các quy tắc đó trong sinh hoạt hằng ngày</li> </ul>   |
| <b>CS77:</b> Chú ý nghe khi cô, bạn nói...                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chú ý nghe khi cô, bạn nói</li> <li>- Không nói riêng, làm việc riêng khi đang nghe cô và bạn nói</li> </ul>                                                                                                                                                      |
| <b>CS78:</b> Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, con vật.                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, hỏi han về sự phát triển, cách chăm sóc cây</li> <li>- Thích được tham gia tưới, nhổ cỏ, lau lá cây</li> </ul>                                                                                                                                               |

|                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc cây trồng, bảo vệ vật nuôi</li> <li>- Biết yêu quý và chăm sóc các loại động vật, bảo vệ các loài động vật quý hiếm. giáo dục trẻ biết yêu thích các con vật có ích. và tránh xa các con vật gây nguy hiểm.</li> </ul>                                                 |
| <b>CS79:</b> Có ý thức sử dụng tiết kiệm nguồn nước sạch và bảo vệ nguồn nước không bị ô nhiễm                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện một số hành vi bảo vệ môi trường</li> <li>- Giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi qui định, cất đồ dùng đồ chơi ngăn nắp sau khi chơi...</li> <li>- Sử dụng tiết kiệm điện nước, tắt điện khi ra khỏi phòng</li> <li>- Chăm sóc cây trồng, bảo vệ vật nuôi</li> </ul> |
| <b>CS80:</b> Trẻ biết một số trạng thái cảm xúc vui tươi của bản thân, của bạn, của mọi người qua cử chỉ, nét mặt, biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | - Biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên của bản thân.                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>CS81:</b> Biết một số quy định nơi công cộng.                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi ra trường, lớp học và ở những nơi công cộng.</li> <li>- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.</li> </ul>                                                                                                                         |
| <b>5. Thẩm mỹ</b>                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>CS82:</b> Có khả năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước cái đẹp                                                                                                                     | - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật                                                                                                                                          |
| <b>CS83:</b> Biết nhận ra giai điệu (vui, buồn...) của bài hát hoặc bản nhạc                                                                                                            | - Nghe bản nhạc, bài hát gần gũi và nhận ra được bản nhạc, bài hát đó là vui hay buồn...                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>CS84:</b> Biết hát đúng giai điệu của bài hát                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe bài hát</li> <li>- Hiểu nội dung bài hát</li> <li>- Thể hiện bài hát đúng giai điệu</li> <li>- Hát rõ lời bài hát</li> <li>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.</li> </ul>                                                        |
| <b>CS85:</b> Biết chú ý lắng nghe và thưởng thức âm nhạc                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe các bài hát, bản nhạc về các chủ đề</li> <li>- Nghe các làn điệu dân ca địa phương...</li> </ul>                                                                                                                                                                           |
| <b>CS86:</b> Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích thú với các loại hình âm nhạc</li> <li>- Cảm thụ được giai điệu và lời bài hát</li> <li>- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát</li> <li>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách,</li> </ul>                                                                       |

|                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                  | nhịp...                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>CS87:</b> Biết sử dụng dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp                                        | - Gõ đệm theo tiết tấu, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các dụng cụ: trống lắc, xắc xô...<br>- Sử dụng trong trò chơi âm nhạc.                                                                                                          |
| <b>CS88:</b> Yêu thích âm nhạc                                                                   | - Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc                                                                                                                                                                  |
| <b>CS 89:</b> Tô màu kín không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ                             | - Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa<br>- Tô màu đều<br>- Không chòem ra ngoài nét vẽ                                                                                                                           |
| <b>CS90:</b> Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo thành một sản phẩm đơn giản              | - Lựa chọn vật liệu phù hợp để làm sản phẩm<br>- Lựa chọn và sử dụng một số vật liệu để làm ra một loại sản phẩm<br>Vd: Dùng râu ngô để làm râu tóc...<br>- Biết đưa sản phẩm làm ra vào trong các hoạt động chơi                       |
| <b>CS91:</b> Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động tạo hình                                | - Bày tỏ ý tưởng của mình khi làm ra sản phẩm<br>- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích<br>- Đặt tên cho sản phẩm của mình                                                                                                         |
| <b>CS92:</b> Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.                                          | - Biết lựa chọn vật liệu để làm sản phẩm<br>- Biết đưa các sản phẩm làm ra vào trong các hoạt động chơi                                                                                                                                 |
| <b>CS93:</b> Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | - Biết làm mềm đất trước khi thực hiện các kỹ năng theo yêu cầu<br>- Sử dụng được một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối đơn giản                                            |
| <b>CS94:</b> Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.          | - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản trong các hoạt động vui chơi ...<br>- Thể hiện sự sáng tạo khi xếp                                                                                 |
| <b>CS95:</b> Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản                                  | - Trẻ biết dùng tay để xé khéo léo, cẩn thận xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản trong các tiết học tạo hình và vui chơi ở các góc, chơi tự do trong hoạt động ngoài trời<br>- Biết giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn |

### 3.MẪU GIÁO 4-5 TUỔI

#### \*Mục tiêu cụ thể

| STT               | MỤC TIÊU GIÁO DỤC                                                             | NỘI DUNG GIÁO DỤC                                                                                                       |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1.THỂ CHẤT</b> |                                                                               |                                                                                                                         |
| <b>CS1</b>        | Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo | - Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh: Tay; Lưng, bụng, lườn; chân, |

|             | hiệu lệnh.                                                                                       | bật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS2</b>  | Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện tốt các vận động:</li> <li>+ Đi trên ghế thể dục</li> <li>+ Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> <li>+ Đi bước tiến, lùi liên tục khoảng 3m.</li> <li>+ Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu ở vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).</li> <li>+ Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi.</li> <li>+ Đi theo đường đích dắc.</li> </ul>                                                                        |
| <b>CS3</b>  | Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết kiểm soát, khéo léo khi thực hiện các vận động:</li> <li>+ Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu ở vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).</li> <li>+ Chạy chậm 60-80 m</li> <li>+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây.</li> </ul>                                                                                                                                                                                      |
| <b>CS4</b>  | Kiểm soát được vận động Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, qua vật chuẩn, đường đích dắc). | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>+ Chạy theo đường đích dắc.</li> <li>+ Chạy vượt qua 4 – 5 hộp cao 20 cm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>CS5</b>  | Tung, ném, bắt bóng không rơi bóng.                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>+ Tung bắt bóng với người đối diện</li> <li>+ Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.</li> <li>+ Chuyển bóng sang hai bên.</li> <li>+ Đập và bắt bóng tại chỗ.</li> <li>+ Đập và bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.</li> <li>+ Ném xa bằng 1 tay.</li> <li>+ Ném xa bằng 2 tay.</li> <li>+ Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m).</li> <li>+ Ném trúng đích nằm ngang (xa 2 m)</li> </ul> |
| <b>CS6</b>  | Thực hiện được các vận động bật, nhảy.                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được một số vận động bật nhảy:</li> <li>+ Bật liên tục về phía trước.</li> <li>+ Bật xa 35 - 40cm.</li> <li>+ Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).</li> <li>+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.</li> <li>+ Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.</li> <li>+ Nhảy lò cò 3m.</li> </ul>                                                                                                                             |
| <b>CS 7</b> | Trẻ thực hiện được các vận động bò, trườn, trèo một                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trẻ thực hiện khéo léo các vận động</li> <li>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|             |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | cách khéo léo.                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bò dích dắc qua 5 điểm.</li> <li>+ Bò chui qua cổng ống dài 1,2mx0,6m.</li> <li>+ Trườn theo hướng thẳng.</li> <li>+ Trèo qua ghế dài 1,5mx30cm</li> <li>+ Trèo lên xuống 5 giống thang.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>CS8</b>  | Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Vẽ, cắt, xây dựng, lắp ráp, tết, cài cúc, buộc dây.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ phối hợp được cử động, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</li> <li>- Gập giấy.</li> <li>- Lắp ghép hình, khối.</li> <li>- Xé, cắt đường thẳng.</li> <li>- Tô, vẽ hình.</li> <li>- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây</li> <li>- Vẽ hình người, nhà, cây.</li> <li>- Cắt thành thạo theo đường thẳng.</li> <li>- Xây dựng, lắp ráp với 10- 12 khối.</li> <li>- Biết tết sợi đôi.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giấy</li> </ul> |
| <b>CS9</b>  | Trẻ biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm: Nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm chất bột đường, .... (trên tháp dinh dưỡng).</li> <li>- Trẻ biết mỗi nhóm thực phẩm đều mang lại những dưỡng chất mang lại lợi ích cho sức khỏe.</li> <li>- Thịt, cá... có nhiều chất đạm.</li> <li>- Rau, quả chín có nhiều vitamin</li> </ul>                                                                                   |
| <b>CS10</b> | Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận biết các dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, kể tên một số món ăn hàng ngày: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>CS11</b> | Trẻ nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li> <li>- Trẻ nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>CS12</b> | Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:<br>Tự rửa tay bằng xà phòng.<br>Tự lau mặt, đánh răng.<br>Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ tập đánh răng và lau mặt đúng quy trình.</li> <li>- Rèn luyện cho trẻ thao tác rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>- Hình thành cho trẻ thói quen giữ gìn quần áo gọn gàng, tự biết thay quần áo</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                |

|             |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                                            | khi bị bắn, ướt...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>CS13</b> | Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành cho trẻ tính tự giác trong việc ăn uống. Tự cầm thìa và xúc cơm ăn, không làm đổ rơi vãi cơm, thức ăn ra bàn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CS14</b> | Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có nề nếp ăn uống đúng cách.</li> <li>- Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.</li> <li>- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...</li> <li>- Không uống nước lã, nước chưa đun sôi.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>CS15</b> | Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</li> <li>- Trẻ biết lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe của mình.</li> <li>- Trẻ nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản, nhờ sự giúp đỡ của cô giáo và người lớn.</li> <li>- Trẻ biết tự đi vệ sinh và đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu khi bị sốt...</li> </ul> |
| <b>CS16</b> | Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</li> <li>- Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường và có ý thức bỏ rác đúng nơi quy định.</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>CS17</b> | Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CS18</b> | Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước, ... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết sông, hồ ao, suối, bể chứa nước là những nơi rất nguy hiểm đến tính mạng và biết không nên chơi gần tại những nơi nguy hiểm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|                     |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS19</b>         | Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có ý thức tự bảo vệ bản thân trong một số hoạt động như ăn hoặc khi chơi.</li> <li>- Trẻ biết một số món ăn không nên ăn hoặc uống để ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân. Biết dừng lại khi người lớn không cho phép.</li> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</li> <li>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> <li>- Trẻ biết trường học là nơi an toàn cho bản thân và không ra khỏi trường khi chưa được sự cho phép của cô giáo.</li> </ul> |
| <b>CS20</b>         | Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận biết được một số trường hợp khẩn cấp, xảy ra nguy hiểm đến bản thân, người khác và gọi người lớn giúp đỡ.</li> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</li> <li>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>2. Nhận thức</b> |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>CS21</b>         | Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ tò mò, hứng thú với sự thay đổi của các sự vật, hiện tượng xung quanh khi được tìm hiểu.</li> <li>- Dưới sự hướng dẫn của cô giáo trẻ hay đặt các câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng như: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn ? Vì sao lá cây lại có màu vàng và bị rụng? ...</li> <li>- Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CS22</b>         | Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp và sử dụng các giác quan: Tai, mắt, mũi, miệng để tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng, sự vật, hiện tượng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

|             |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS23</b> | Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.  | - Trẻ thực hiện một vài thử nghiệm dưới sự hướng dẫn của cô giáo và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán về kết quả của cuộc thử nghiệm<br>Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát so sánh; Thả đá, sỏi vào trong chậu nước; đổ dầu ăn vào nước.....                                                                                                                                                                      |
| <b>CS24</b> | Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.                 | - Trẻ biết thu thập các thông tin về đối tượng bằng nhiều cách như: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.<br>- Trẻ biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.<br>- Trẻ biết nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ.                                                                                                                                                                       |
| <b>CS25</b> | Trẻ phân loại đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu                             | - Trẻ biết phân loại đồ dùng, đồ chơi, một số loại phương tiện giao thông, cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>CS26</b> | Trẻ nhận biết được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. | - Trẻ nhận biết một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.<br>- Trẻ quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.<br>- Trẻ biết không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.<br>- Trẻ nhận biết được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi Vd: Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn. |
| <b>CS27</b> | Các nguồn nước trong môi trường sống.                                          | - Trẻ biết các nguồn nước trong môi trường sống.<br>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>CS28</b> | Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.                 | - Trẻ biết giải quyết các tình huống đơn giản theo cách của trẻ Vd: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|             |                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CS29</b> | Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</li> <li>- Trẻ tìm hiểu đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.</li> <li>- Trẻ tìm hiểu đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</li> <li>- Trẻ tìm hiểu một số đặc điểm, tính chất của nước.</li> <li>- Trẻ nói được sự khác nhau giữa ngày và đêm.</li> <li>- Trẻ nói được một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</li> </ul> |
| <b>CS30</b> | Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết sử dụng các đồ dùng đồ chơi phù hợp với các hoạt động âm nhạc, tạo hình.</li> <li>- Trẻ biết sử dụng xác xô, phách tre trong hoạt động âm nhạc.</li> <li>- Trẻ biết dùng cát để phủ tranh, dùng màu để tô... trong hoạt động tạo hình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>CS31</b> | Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh.                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có nhận thức về chữ số, số lượng.</li> <li>- Trẻ thích đếm các vật ở xung quanh hỏi: Bao nhiêu? là số mấy? ...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CS32</b> | Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, ý thích của trẻ.</li> <li>- Trẻ biết đếm các đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>CS33</b> | Trẻ so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và biết dùng từ ngữ phù hợp để thể hiện sự khác nhau ứng với các nhóm đối tượng.</li> <li>- Trẻ biết so sánh nhiều hơn, ít hơn...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>CS34</b> | Trẻ gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm sau đó đọc được kết quả.</li> <li>- Trẻ biết phân nhóm đối tượng các đồ vật trong lớp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>CS35</b> | Trẻ tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm, đọc kết quả.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|             |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                     |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                                      | - Trẻ biết được tên và số lượng đối tượng mà trẻ phân nhóm.                                                                                                                                         |
| <b>CS36</b> | Trẻ sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng và số thứ tự.                                                              | - Trẻ biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.<br>- Nhận ra các chữ số từ 1-5 dùng để chỉ số lượng của các đối tượng.                                                                    |
| <b>CS37</b> | Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.                                             | - Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày như biển số xe, số nhà, số điện thoại...                                                                                  |
| <b>CS38</b> | Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.                                                 | - Trẻ biết xếp tương ứng 1-1 và ghép đôi.<br>- Trẻ so sánh, phát hiện các quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo thứ tự.                                                                                   |
| <b>CS39</b> | Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, chiều cao, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.            | - Trẻ biết đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.<br>- Trẻ biết đo dung tích bằng một đơn vị đo.<br>- Trẻ biết so sánh cao hơn, thấp hơn.                                                            |
| <b>CS40</b> | Trẻ biết so sánh sự giống, khác nhau của các hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).                          | - Trẻ so sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.                                                                                         |
| <b>CS41</b> | Trẻ biết ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và yêu cầu.                                        | - Trẻ biết ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.                                                                                                           |
| <b>CS42</b> | Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.                                         | - Trẻ xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác ( phía trước – phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải – phía trái)<br>- Trẻ nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. |
| <b>CS43</b> | Trẻ nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.                                               | - Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.<br>- Trẻ biết giao tiếp với bạn và mọi người để giới thiệu về bản thân mình.                                     |
| <b>CS44</b> | Trẻ nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Trẻ nói họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.<br>- Trẻ biết được một số nhu cầu của gia đình.                                                         |
| <b>CS45</b> | Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò                                   | - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi và trò chuyện như ( Số nhà, đường phố/ thôn, xóm, tỉnh, huyện...)                                                                                  |

|                    |                                                                                                            |                                                                                                                                                                         |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                    | chuyện.                                                                                                    |                                                                                                                                                                         |
| <b>CS46</b>        | Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.                                           | - Trẻ biết nói tên, địa chỉ của trường lớp.<br>- Trẻ nói được một vài đặc điểm nổi bật của trường lớp khi được hỏi và trò chuyện.                                       |
| <b>CS47</b>        | Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | - Trẻ nhận biết được công việc của cô giáo và các cô bác công nhân.<br>- Trẻ biết tên của cô giáo và các cô bác ở trường.                                               |
| <b>CS48</b>        | Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.                            | - Trẻ nói họ tên các bạn trong lớp.<br>- Trẻ kể được một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi và trò chuyện.                           |
| <b>CS49</b>        | Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.             | - Trẻ nói được tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.                                            |
| <b>CS50</b>        | Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.                                                         | - Trẻ biết và kể tên một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước và nói được đặc điểm nổi bật của các ngày lễ hội.                                       |
| <b>CS51</b>        | Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.                             | - Trẻ biết được tên một số di tích lịch sử.<br>- Trẻ nói được đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của địa phương, quê hương nơi trẻ sống.         |
| <b>3. Ngôn ngữ</b> |                                                                                                            |                                                                                                                                                                         |
| <b>CS52</b>        | Trẻ thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp.                                                                  | - Trẻ hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu.<br>- Trẻ làm theo được vài yêu cầu của cô trong các hoạt động.                                                                 |
| <b>CS53</b>        | Trẻ hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.                                     | - Trẻ biết gọi tên các đồ vật xung quanh trẻ.<br>- Trẻ hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.                                               |
| <b>CS54</b>        | Trẻ lắng nghe và trao đổi với trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? cái gì? ở đâu?, khi nào?, để làm gì?.        | - Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”.<br>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| <b>CS55</b>        | Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.                                                                 | - Trẻ biết bày tỏ tình cảm.<br>- Trẻ biết bày tỏ nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu                                                                |

|             |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                           | ghép.                                                                                                                                                                                          |
| <b>CS56</b> | Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...                                | - Trẻ hiểu một số từ chỉ hoạt động, sự vật, hiện tượng, đặc điểm của đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông...<br>- Mô tả sự vật hiện tượng, tranh ảnh...                                    |
| <b>CS57</b> | Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng, câu phức.                                 | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.<br>- Trẻ biết nói các câu đầy đủ trọn vẹn.                                                                                            |
| <b>CS58</b> | Trẻ kể lại sự việc có nhiều tình tiết.                                                    | - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.<br>- Kể lại các sự việc được thấy, được nghe.                                                                                                             |
| <b>CS59</b> | Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, hiểu nội dung câu chuyện.                        | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.<br>- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.<br>- Hướng viết của các nét chữ: Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. |
| <b>CS60</b> | - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.                                                   | Trẻ biết phát âm các tiếng có chứa các âm khó trong các bài thơ, ca dao, câu chuyện.                                                                                                           |
| <b>CS61</b> | Trẻ kể lại truyện đã được nghe.                                                           | - Kể lại chuyện đã được nghe.<br>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.                                                                                               |
| <b>CS62</b> | Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.                                                                                                  |
| <b>CS63</b> | Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.                               | - Đóng kịch<br>- Đọc truyện qua tranh vẽ                                                                                                                                                       |
| <b>CS64</b> | Trẻ sử dụng các từ trong giao tiếp như: “Mời cô; mời bạn; cảm ơn; xin lỗi”.               | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.<br>- Trẻ biết lễ phép với cô và người lớn trong giao tiếp.                                                                                               |
| <b>CS65</b> | Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.                         | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.<br>- Trẻ biết nói to, nói nhỏ khi giao tiếp với bạn và mọi người.                                         |
| <b>CS66</b> | Trẻ chọn sách để xem.                                                                     | - Biết chọn sách để xem theo ý thích.<br>- Biết phân biệt mở đầu, kết thúc của sách                                                                                                            |
| <b>CS67</b> | Trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.                                         | - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh đã được xem.                                                                                                                                             |

|                             |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             |                                                                                                                         | - Trẻ biết các nhân vật đang làm gì?                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>CS68</b>                 | Trẻ cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa.                             | - Biết cầm sách đúng chiều.<br>- Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt.<br>+ Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới<br>+ Tiếp xúc với chữ, sách truyện<br>+ Giữ gìn, bảo vệ sách                                                                                             |
| <b>CS69</b>                 | Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, ...                              | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, ...)<br>- Hướng dẫn trẻ các kí hiệu đơn giản thường gặp.<br>- Biết sử dụng các kí hiệu đơn giản trong các hoạt động học, hoạt động chơi....<br>- Trẻ biết làm các đồ vật đơn giản... |
| <b>CS70</b>                 | Nhận dạng một số chữ cái.                                                                                               | - Trẻ biết nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.<br>- Tập tô, tập đồ các nét chữ.                                                                                                                                                                                                       |
| <b>4. Tình cảm - xã hội</b> |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>CS71</b>                 | Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.                                                             | - Tên, tuổi, giới tính.<br>- Sở thích, khả năng của bản thân.                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CS72</b>                 | Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc trẻ có thể làm được                                                | - Kể tên những điều trẻ thích và không thích. Nói về những công việc trẻ có thể làm. Biết phân biệt hành vi: đúng – sai; tốt – xấu.                                                                                                                                                                       |
| <b>CS73</b>                 | Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích                                                                              | - Biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích của mình trong khi chơi.<br>- Biết sắp đặt các đồ vật đúng nơi quy định.                                                                                                                                                                                       |
| <b>CS74</b>                 | Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi ...)                                                 | - Tự lực, cố gắng thực hiện tốt các công việc được giao như: Trực nhật, dọn đồ chơi....<br>- Trẻ biết tự giác, ý thích trong học tập và chơi.                                                                                                                                                             |
| <b>CS75</b>                 | Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh, thơ, truyện | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh, ảnh, thơ, truyện.                                                                                                                                                              |
| <b>CS76</b>                 | Trẻ biết biểu lộ một số cảm                                                                                             | - Trẻ biểu lộ trạng thái cảm xúc vui,                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|             |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                     |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.                                                                                                            | buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.                                                                                  |
| <b>CS77</b> | Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.                                                                                                               | - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh, ảnh, truyền hình.<br>- Biết lăng Bác nằm ở đâu. Một số hoạt động của Bác khi còn sống.                         |
| <b>CS78</b> | Trẻ thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.                                                                         | - Trẻ biết kính yêu Bác Hồ, thể hiện qua các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, câu chuyện kể về Bác.                                              |
| <b>CS79</b> | Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.                                                                                              | - Trẻ biết quan tâm đến di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, lễ hội của quê hương, đất nước.                                                       |
| <b>CS80</b> | Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà bố mẹ. | - Trẻ biết một số quy định ở trường, lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường ... |
| <b>CS81</b> | Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.                                                                                                         | - Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép.                                                                       |
| <b>CS82</b> | Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.                                                                                                                         | - Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô nói, không ngắt lời khi người khác nói.                                                                           |
| <b>CS83</b> | Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.                                                                                                                | - Biết chờ đến lượt, hợp tác cùng với bạn để hoàn thành các công việc.                                                                              |
| <b>CS84</b> | Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung.                                                                                     | - Biết trao đổi, thỏa thuận, quan tâm giúp đỡ, chia sẻ với bạn những công việc chung như: học tập, khi chơi, trực nhật...                           |
| <b>CS85</b> | Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.                                                                                                             | - Trẻ yêu quý cây cối, con vật quen thuộc, thích được chăm sóc cây, con vật.                                                                        |
| <b>CS86</b> | Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.                                                                                                                           | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi ra trường, lớp học và ở những nơi công cộng.                                             |
| <b>CS87</b> | Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.                                                                                                                             | - Yêu quý cây xanh, không bứt lá, bẻ cành, ngắt hoa.                                                                                                |
| <b>CS88</b> | Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng                                                                                | - Biết tiết kiệm điện nước khi sử dụng và tắt nguồn điện, nguồn nước khi không sử dụng.                                                             |
| <b>CS89</b> | Giữ gìn vệ sinh môi trường.                                                                                                                             | - Trẻ có ý thức bảo vệ môi trường, vứt rác đúng nơi quy định, giữ gìn trường lớp xanh sạch đẹp.                                                     |
| <b>CS90</b> | Yêu mến quan tâm đến                                                                                                                                    | Trẻ biết thể hiện tình cảm của mình đối                                                                                                             |

|                    |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                               |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                    | người thân trong gia đình.                                                                                                                                                    | với người thân, biết yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình mình.                                                                                                     |
| <b>5. Thẩm mỹ.</b> |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                               |
| <b>CS91</b>        | Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| <b>CS92</b>        | Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.             | - Trẻ thích thú, vui sướng, chú ý lắng nghe các bài hát, bản nhạc, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ.                                                                        |
| <b>CS93</b>        | Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.                                        | - Trẻ thích thú, ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, kích thước...                                 |
| <b>CS94</b>        | Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.                                                                  | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.                                                                                                      |
| <b>CS95</b>        | - Trẻ nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).                                                                                                       | - Trẻ lắng nghe và nhận ra các bài hát bản nhạc khác nhau: như nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca.                                                                                   |
| <b>CS96</b>        | Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).                                                        | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.<br>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.                                        |
| <b>CS97</b>        | Trẻ phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.                                                                                                                 | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.                                                                                   |
| <b>CS98</b>        | Trẻ vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.                                                                               | - Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.                                                                         |
| <b>CS99</b>        | Trẻ xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc                                                                                                  | - Sử dụng các kỹ năng xé, cắt để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.                                                                            |

|              |                                                                                           |                                                                                                    |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              | và bố cục.                                                                                |                                                                                                    |
| <b>CS100</b> | Trẻ làm lồi, dồ bẹt, bẻ loe, vút nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | - Sử dụng các kỹ năng để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.                                     |
| <b>CS101</b> | Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.                      | - Biết nhận xét sản phẩm của bạn.<br>- Biết giữ gìn sản phẩm của mình và bạn làm ra.               |
| <b>CS102</b> | Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.                    | - Lựa chọn các hình thức vận động phù hợp theo bài hát, bản nhạc.                                  |
| <b>CS103</b> | Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.                          | - Biết tự lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát như: xác xô, phách tre, mõ.... |
| <b>CS104</b> | Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.                         | - Nói lên được ý tưởng của mình và thể hiện trên sản phẩm tạo hình.                                |
| <b>CS105</b> | Trẻ đặt tên cho sản phẩm của mình.                                                        | - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo ý thích.                                                      |

#### 4.MẪU GIÁO 5-6 TUỔI

##### \*Mục tiêu cụ thể

| MỤC TIÊU                                                                  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Phát triển thể chất</b>                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Chỉ số 1.</b> Giữ tư thế đứng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở); | - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.<br>- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi lên, xuống trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m<br>- Đi nổi bàn chân tiến, lùi.<br>- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh.<br>- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)<br>- Đi trên ghế đầu đội túi cát<br>- Đi và đập bắt bóng. |
| <b>Chỉ số 2.</b> Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất.            | Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.<br>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.<br>- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).<br>+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Ngửa người ra sau, kết hợp tay giơ lên cao, chân    |

|                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                        | <p>bước sang phải, sang trái</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải.</p> <p>+ Nghiêng người sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái</p> <p>+ Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau</p> <p>+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Chỉ số 3.</b> Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi.                                                                                            | <p>Tham gia các hoạt động thể chất liên tục trong một khoảng thời gian mà không bị mệt nhanh (chạy bền, nhảy dây, đi bộ đường dài...).</p> <p>- Có thể hoạt động bình thường trong điều kiện môi trường khác nhau (trong nhà, ngoài trời, sân cỏ, nền cứng...).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Chỉ số 4.</b> Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.                                                                                            | <p>Phối hợp nhịp nhàng với nhóm bạn chơi mới trong các trò chơi vận động (chạy tiếp sức, kéo co, nhảy bao bố...).</p> <p>- Tham gia hoạt động thể chất mà không bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi của môi trường (chơi trong lớp, sân trường, khu vui chơi...).</p> <p>- Hòa đồng vui chơi cùng nhóm bạn</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Chỉ số 5.</b> Thực hiện phối hợp các vận động: đi lên - xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật; leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động không cần sự hỗ trợ; | <p>- Bật xa 40 - 50cm</p> <p>- Bật qua vật cản 15 - 20cm</p> <p>- Bật tách chân, khép chân qua 7 ô</p> <p>- Bật, nhảy từ trên cao xuống 40-45cm (bật sâu 40cm).</p> <p>- Nhảy lò cò tại chỗ.</p> <p>- Thể hiện bài tập nhảy lò cò tối thiểu 5 bước liên tục.</p> <p>- Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.</p> <p>- Chạy theo khả năng</p> <p>- Chạy 18m trong khoảng 5-7 giây</p> <p>- Chạy chậm, chạy nhanh</p> <p>- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian</p> <p>- Chạy chậm khoảng 100 - 120m.</p> <p>- Chạy chậm khoảng 100 - 120m.</p> <p>- Chạy 18m trong khoảng 10 giây.</p> <p>- Bò đích dắc qua 5-6 điểm</p> <p>- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 - 5m</p> <p>- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m</p> <p>- Trườn kết hợp trèo qua ghế thể dục 1,5m x 30m</p> |

|                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trèo lên xuống 7 gióng thang.</li> <li>- Đi và đập bắt bóng</li> <li>- Tung, đập bắt bóng tại chỗ</li> <li>- Tung bóng lên cao và bắt bóng</li> <li>- Đập và bắt bóng được bằng 2 tay.</li> <li>- Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</li> <li>- Ném trúng đích 1 tay, 2 tay.</li> </ul>                                                                                                                                                                                              |
| <b>Chỉ số 6.</b> Chạy nhanh 20m trong 5 - 6 giây.                                            | Chạy nhanh 20m trong vòng 5 -6 giây. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp chân tay nhịp nhàng</li> <li>- Trẻ hoàn thành tốt vận động mà không có biểu hiện của sự quá sức</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>Chỉ số 7.</b> Phối hợp với người khác thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ.              | Hoạt động học tập liên tục trong khoảng 30 phút <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cử động bàn tay, ngón tay, cổ tay.</li> <li>- Bẻ, nắn.</li> <li>- Lắp ráp.</li> <li>- Tô, đồ theo nét.</li> <li>- Cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc-mơ-tuya.</li> <li>- Tư thế ngồi, cách cầm bút màu tô</li> <li>- Kỹ năng tô màu</li> <li>- Tô, đồ theo nét và các hình đơn giản</li> <li>- Tô màu chơi ở hoạt động góc</li> <li>- Tô màu các bài vẽ</li> </ul>                                                                          |
| <b>Chỉ số 8.</b> Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình và dán hình vào đúng vị trí. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt rời được hình.</li> <li>- Không bị rách.</li> <li>- Đường cắt lượn sát theo nét</li> <li>- Xé cắt đường vòng cung.</li> <li>- Kỹ năng phết hồ và kỹ năng khi dán</li> <li>- Dán các hình trong hoạt động góc.</li> <li>- Thể hiện dán hình theo yêu cầu của cô</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Chỉ số 9.</b> Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ.                         | Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ, nhắc nhở của người lớn <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn, rửa đúng theo quy trình</li> <li>- Tự chải răng, rửa mặt, cất đồ dùng cá nhân</li> <li>- Trẻ thực hiện được các việc tự phục vụ đúng cách</li> <li>- Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm, chan canh vào bát.</li> <li>- Biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài</li> <li>- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</li> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt.</li> <li>- Che miệng khi ho, hắt hơi.</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp..</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>Chỉ số 10.</b> Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khỏe.                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết 4 nhóm thực phẩm</li> <li>- Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</li> <li>- Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.</li> <li>- Phân biệt các thức ăn theo nhóm (bột, béo, đạm, vitamin).</li> <li>- Trẻ biết được lợi ích của của các loại thực phẩm đối với sức khỏe của bản thân và gia đình.</li> <li>- Trẻ nhận biết và không ăn những loại thức ăn có hại đối với bản thân.</li> <li>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến món ăn, thức uống.</li> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng đủ chất.</li> <li>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</li> </ul> |
| <b>Chỉ số 11.</b> Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh (có lợi cho sức khỏe, phòng, tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể được một số thức ăn đồ uống không tốt cho sức khỏe.</li> <li>- (đồ ăn ôi thiu, hoa quả dập nát...)</li> <li>- Nhận ra được dấu hiệu một số đồ ăn bị ô nhiễm, bẩn, ôi thiu.</li> <li>- Không ăn uống những thức ăn có thể ảnh hưởng đến sức khỏe bản thân</li> <li>- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.</li> <li>- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.</li> <li>- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Chỉ số 12.</b> Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi.                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</li> <li>- Tự mặc áo, quần đúng cách</li> <li>- Cài và mở được hết các cúc</li> <li>- So cho hai vạt áo, hai ống quần không bị lệch</li> <li>- Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chỉ số 13:</b> Biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn.                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra một số việc làm gây nguy hiểm.</li> <li>- Nhận biết các đồ dùng, dụng cụ có thể gây mất an toàn cho bản thân: kéo, dao, đồ sắc nhọn.</li> <li>- Nhận biết kể tên một số địa điểm gây mất an toàn: Ao hồ, sông suối, cột điện...</li> <li>- Kể được tác hại của một số việc làm gây nguy hiểm đối với bản thân và những người xung quanh.</li> <li>- Nhắc nhở hoặc báo với người lớn khi thấy người khác làm một số việc có thể gây nguy hiểm.</li> </ul> |
| <b>Chỉ số 14.</b> Nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (tránh xa, kêu cứu, thông báo với người khác...);                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</li> <li>- Kêu cứu/ Gọi người xung quanh giúp đỡ khi mình hoặc người khác bị đánh, bị ngã, chảy máu hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm khi cháy, nổ...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Chỉ số 15.</b> Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác (cảm thấy mệt mỏi, đau, mẩn ngứa, buồn nôn ...). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số biểu hiện bất thường của cơ thể như mệt mỏi, đau, mẩn ngứa, buồn nôn...</li> <li>- Trẻ nói ra một số biểu hiện của cơ thể khi có sự thay đổi báo ngay với cô giáo hoặc người thân trong gia đình.</li> <li>- Thông báo với người khác khi một số biểu hiện khi ốm</li> </ul>                                                                                                                                                                    |
| <b>2. Tình cảm - xã hội.</b>                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Chỉ số 16.</b> Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân;                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được một số thông tin cá nhân như họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân.</li> <li>- Nói được sở thích, điểm yếu, điểm mạnh của bản thân, ví dụ: Con thích chơi bán hàng/ thích đá bóng, thích nghe kể chuyện...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Chỉ số 17.</b> Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó;                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra và nói được trạng thái cảm xúc, vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp hoặc tranh ảnh.</li> <li>- Trẻ nói ra được nguyên nhân gây ra cảm xúc đó: Do con bị ốm, do bạn đánh con...</li> </ul>                                                                                                                                                                                 |
| <b>Chỉ số 18.</b> Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân.                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được những đặc điểm riêng của bản thân: con có mái tóc dài, tóc ngắn ....</li> <li>- Nói được khả năng của bản thân ví dụ: Con có thể vẽ được con gà đó nên bố mẹ khen con.</li> <li>- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                          |

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chỉ số 19.</b> Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh  | Nhận biết một số trạng thái cảm xúc .<br>- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ).<br>- Biết an ủi, chia vui phù hợp với họ.<br>- An ủi người thân hay bạn bè khi ốm, mệt, hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ.<br>- Chúc mừng động viên, khen ngợi hoặc reo hò cổ vũ bạn người thân khi có niềm vui.                                                                                      |
| <b>Chỉ số 20.</b> Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh;                       | Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống khác nhau.<br>- Tự điều chỉnh hành vi, thái độ cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh VD: Trẻ đang nô đùa vui vẻ nhưng thấy bạn ngã đau sẽ dừng chơi, chạy lại hỏi han, lo lắng, đỡ bạn vào lớp, hoặc trẻ đang thích thú chơi một đồ chơi mới ở ngoài sân nhưng khi vào nhà trẻ sẽ đi lại nhẹ nhàng , không nói to vì mẹ bị ốm...                                  |
| <b>Chỉ số 21.</b> Có trách nhiệm với bản thân, người khác và môi trường.          | Trẻ biết qua tâm, bảo vệ cơ thể của mình: Đi ngoài phải mang dếp, mang áo ấm khi lênh...<br>- Quan tâm hỏi han chăm sóc mọi người xung quanh<br>- Thích được tham gia chơi, làm việc cùng mọi người<br>- Giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây phản ứng như thế nào.<br>- Có trách nhiệm bảo vệ môi trường xung quanh: Bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây xanh...                                                  |
| <b>Chỉ số 22.</b> Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh; | Nhận biết một số trạng thái cảm xúc .<br>- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ).<br>- Biết an ủi, chia vui phù hợp với họ.<br>- An ủi người thân hay bạn bè khi ốm, mệt, hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ.<br>- Chúc mừng động viên, khen ngợi hoặc reo hò cổ vũ bạn người thân khi có niềm vui.                                                                                      |
| <b>Chỉ số 23.</b> Thể hiện hành vi ứng xử có văn hóa với người khác và môi trường | - Thể hiện một số hành vi bảo vệ môi trường.<br>- Giữ vệ sinh chung: Bỏ rác đúng nơi quy định, cất đồ chơi đúng nơi, ngăn nắp sau khi chơi, sắp xếp đồ dùng gọn gàng, tham gia quét, lau chùi nhà cửa.<br>- Sử dụng tiết kiệm điện, nước: tắt điện khi ra khỏi phòng: sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt.<br>- Chăm sóc cây trồng, bảo vệ vật nuôi.<br>- Biết nhận lỗi khi có lỗi, biết cảm ơn khi được giúp đỡ, tôn trọng người khác... |

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chỉ số 24.</b> Tôn trọng sự khác biệt của người khác                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra và chấp nhận sự khác biệt giữa người khác và mình cả về ngoại hình, cơ thể, khả năng, sở thích, ngôn ngữ.</li> <li>- Biết tôn trọng, giúp đỡ, không chế diễu bạn, người khác khi có sự khác biệt..</li> </ul>                                                                           |
| <b>Chỉ số 25.</b> Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi;                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm.</li> <li>- Được mọi người trong nhóm tiếp nhận.</li> <li>- Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.</li> </ul>                                                                                                                                          |
| <b>Chỉ số 26.</b> Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra hành vi đúng sai của mọi người trong ứng xử với môi trường xung quanh.</li> <li>- Nhận ra ảnh hưởng của hành vi đúng hoặc sai: Vứt rác ra đường là sai vì gây bẩn, ô nhiễm môi trường, như vậy sẽ có hại cho sức khỏe của mọi người....</li> </ul>                                      |
| <b>Chỉ số 27.</b> Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra;                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạnh dạn xin phát biểu ý kiến.</li> <li>- Nói, hỏi hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách lưu loát, rõ ràng, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.</li> <li>- Trẻ nói đúng sự thật sự việc xảy ra/ nhận ra tầm quan trọng của sự lừa dối có thể ảnh hưởng đến người khác..</li> </ul>         |
| <b>Chỉ số 28.</b> Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi;                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn: Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà...Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến đến người khác.</li> </ul>                                                              |
| <b>Chỉ số 29.</b> Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác.                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết giữ lời hứa, thực hiện đúng như lời hứa với mọi người xung quanh (VD: Con đã hứa với cô sẽ cất đồ chơi sau khi chơi xong).</li> <li>- Biết nhận trách nhiệm khi không thực hiện được lời hứa và cố gắng sửa chữa.</li> </ul>                                                               |
| <b>3. Ngôn ngữ và giao tiếp.</b>                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Chỉ số 30.</b> Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói;                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe người khác nói, nhận ra từng tiếng trong câu nói.</li> <li>- Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt để người nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói.</li> <li>- Lắng nghe, nhận ra từng tiếng trong câu nói và trả lời bằng tiếng để diễn đạt</li> </ul> |
| <b>Chỉ số 31.</b> Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản;                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của người khác và phản hồi lại bằng những hành động hoặc lời nói phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập sinh</li> </ul>                                                                                                                               |

|                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                             | <p>hoạt hằng ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được lời chỉ dẫn 2- 3 hành động liên quan liên tiếp, ví dụ:sau khi cô nói: Con hãy cất dép lên giá rồi đi rửa tay và lấy nước uống. Trẻ thực hiện đúng thứ tự các chỉ dẫn cô đã nêu.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</li> <li>- Sử dụng các từ hình tượng.</li> <li>- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.</li> <li>- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.</li> <li>- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;</li> </ul>                                                                                                                    |
| <b>Chỉ số 32.</b> Nói để người khác hiểu;                                   | <p>Phát âm đúng và rõ ràng những lời muốn nói để người khác có thể hiểu được</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng lời nói dễ dàng thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.</li> <li>- Trẻ biết cách lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với mong muốn</li> <li>- Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn câu ghép khác nhau</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Chỉ số 33.</b> Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp.         | <p>Sử dụng đa dạng các lời nói: phù hợp với ngữ cảnh để diễn đạt trong giao tiếp với người khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện một số hành vi lịch sự trong giao tiếp: Chào hỏi, vòng tay, cúi chào.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Chỉ số 44.</b> Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau; | <p>Trẻ diễn tả, truyền đạt điều mình biết, điều mình hiểu hoặc trải nghiệm thông qua nhiều hình thức thể hiện khác nhau như: lời nói, hình vẽ, hành động, kể chuyện, mô tả, biểu cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân</li> <li>- Kể về một sự việc hiện tượng nào đó để người khác hiểu</li> <li>- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp</li> <li>- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện: nhíu mày, nhăn nhó, lắc đầu,...khi không hiểu người khác nói</li> <li>- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn hơn như "xin chào" tạm biệt, cảm ơn.</li> <li>- Sử dụng các từ: Xin lỗi khi mắc lỗi</li> </ul> |

|                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xung hô phù hợp với hoàn cảnh, vị trí</li> <li>- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày</li> <li>- Không nói tục, chửi bậy.</li> <li>- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự</li> <li>- Kể lại sự việc theo trình tự.</li> <li>- Kể chuyện theo tranh</li> </ul>                                                             |
| <b>Chỉ số 35.</b> Kể chuyện theo cách riêng.                                  | <p>Trẻ dùng nhiều cách để kể chuyện tạo theo cách riêng không làm mất đi ý nghĩa của câu chuyện quen thuộc đã được nghe kể nhiều lần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kể chuyện theo tranh không lời</li> <li>+ Vẽ tranh – kể chuyện</li> <li>+ Đóng vai theo truyện</li> <li>+ Dẫn chuyện bằng câu hỏi mở:</li> </ul>                                                                                                           |
| <b>Chỉ số 36.</b> Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in;        | <p>Biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích được xem sách tranh, tài liệu in.</li> <li>- Cầm sách đúng chiều, lật giở từng trang sách từ trái qua phải, đọc, đưa mắt hoặc tay chỉ theo chữ từ trái qua phải, trên xuống dưới.</li> <li>- Có hành vi phù hợp với sách: Bảo vệ sách, không để bẩn, làm nhàu, rách sách...</li> <li>- Khuyến bạn bè biết yêu và giữ gìn sách</li> </ul> |
| <b>Chỉ số 37.</b> Nhận biết một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;       | <p>Trẻ biết gọi tên và nhận biết một số kí hiệu đơn giản trong cuộc sống biến báo nguy hiểm kí hiệu nhà vệ sinh, nơi bỏ rác, không dẫm lên cỏ, kí hiệu đồ dùng cá nhân của mình và của các bạn, nhãn hàng...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ dùng lời để diễn đạt ý nghĩa các biểu tượng trong cuộc sống.</li> </ul>                                                                                                         |
| <b>Chỉ số 38.</b> Nhận biết và gọi tên chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt; | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng chữ cái viết thường hoặc viết hoa và phát âm đúng các âm của các chữ cái đó.</li> <li>- Trẻ gọi đúng tên các chữ cái (ví dụ: “a”, “bờ”, “cờ”...).</li> <li>- Có thể phân biệt hình dáng các chữ cái, không nhầm lẫn giữa các chữ giống nhau (như “b – d – đ”, “p – q”...).</li> <li>- Trẻ phát âm các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt</li> </ul>                                     |
| <b>Chỉ số 39.</b> Nghe và nhận ra âm giống nhau trong tiếng.                  | <p>Trẻ lắng nghe, nhận biết các âm nhau trong tiếng Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được các âm giống nhau trong tiếng Việt</li> </ul> <p>Trẻ ghép đúng từ có âm đầu giống nhau, ví dụ: "bút" – "bàn", "gà" – "gấu".</p> <p>Trẻ nhận ra điểm chung về âm đầu hoặc âm cuối (ví</p>                                                                                                                                    |

|                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                           | <p>dụ: "mít", "gót", "bút" có âm cuối là “t”).</p> <p>- Trẻ phản xạ đúng với các từ có âm giống nhau.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <p><b>Chỉ số 40.</b> Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, "viết";</p> | <p>Trẻ có thái độ thích thú khi được tham gia vào hoạt động viết hoặc Viết.</p> <p>- Thực hiện hoạt động viết, vẽ đúng kỹ thuật: Khi “viết” bắt đầu từ trái sang phải, xuống dòng khi viết hết dòng của trang vở và cũng bắt đầu dòng mới từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, mắt nhìn theo nét viết</p>                                                                                                                                                                                                    |
| <p><b>Chỉ số 41.</b> Bắt chước hành vi "viết"</p>                         | <p>Trẻ thể hiện sự thích thú bắt chước hành vi viết</p> <p>- Cầm bút viết và ngồi để viết đúng cách</p> <p>- Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động</p> <p>- Biết sử dụng các dụng cụ viết, vẽ khác nhau để tạo ra các dòng giống chữ viết để diễn tả ý tưởng hay 1 thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các dòng mình đã viết</p>                                                                                                                                         |
| <p><b>4. Nhận thức</b></p>                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <p><b>Chỉ số 42.</b> Tách, gộp số lượng trong phạm vi 10;</p>             | <p>- Trẻ đếm, quan sát số lượng trong phạm vi 10</p> <p>- Tách 10 đồ vật thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau.</p> <p>- Trẻ nhanh chóng gộp được 2 nhóm đối tượng đến và nói được kết .</p> <p>- Nhận biết và so sánh được 3 nhóm đối tượng và nói được kết quả nhiều nhất, ít hơn, ít nhất</p> <p>- Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm</p> <p>- <b>Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại...).</b></p> |
| <p><b>Chỉ số 43.</b> So sánh, thêm, bớt số lượng trong phạm vi 10;</p>    | <p>- So sánh số lượng 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất</p> <p>- Trẻ quan sát, đếm so sánh nhóm đối tượng trong phạm vi 10.</p> <p>- Trẻ nhận biết số lượng cần thêm, hoặc bớt: thêm 1, bớt 1...</p> <p>- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10</p> <p>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng</p> <p>- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan</p>                                               |
| <p><b>Chỉ số 44.</b> Đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn</p>      | <p>- Lựa chọn và sử dụng một số dụng cụ làm thước đo (đoạn que, đoạn dây, mẫu gỗ,...) để đo độ dài của</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| vị đo ước lệ.                                                                                  | <p>một vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</li> <li>- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</li> <li>- Đo dung tích các vật và so sánh và diễn đạt kết quả đó.</li> <li>- Thao tác đo độ dài một đối tượng</li> <li>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả</li> <li>- Thể hiện khả năng suy đoán</li> <li>- Nói đúng kết quả đo</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Chỉ số 45.</b> Xác định một số hình phẳng và hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh; | <p>Trẻ xác định, gọi tên các hình phẳng, hình khối đơn giản trong cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy ra hoặc chỉ được các hình khối có màu sắc kích thước khác nhau khi được yêu cầu.</li> <li>- Nói được hình dạng tương tự của một số đồ chơi, đồ vật quen thuộc khác: đồng hồ hình vuông, mái nhà hình tam giác...</li> <li>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</li> <li>- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.</li> <li>- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật, và nhận dạng các khối trong thực tế.</li> </ul> |
| <b>Chỉ số 46.</b> Sắp xếp theo quy tắc;                                                        | <p>Nhận ra quy tắc sắp xếp lặp lại của một dãy hình dãy số động tác vận động và thực hiện tiếp theo đúng quy tắc kèm theo lời giải thích. VD: hình tam giác, tròn, chữ nhật- tam giác, tròn, chữ nhật...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện sắp xếp quy tắc theo yêu cầu</li> <li>- Tạo ra quy tắc sắp xếp.</li> <li>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Chỉ số 47.</b> Xác định vị trí trong không gian theo vật chuẩn;                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được vị trí không gian của trong, ngoài, trên, dưới của một vật so với một vật khác.</li> <li>- Trẻ biết dùng từ chỉ vị trí (trên, dưới, trước, sau, trong, ngoài, giữa, cạnh...) để nói vị trí của đồ vật so với một vật chuẩn.</li> <li>- Khi chơi góc xây dựng, trẻ nói: “Cây cầu ở trên sông.” “Xe tải ở sau xe con.” “Con mèo ở trên mái nhà.” “Chim ở trong lồng..</li> <li>- Xác định vị trí của đồ vật (Trong- ngoài; phía trước- phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải- phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.</li> </ul>                 |

|                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Chỉ số 48.</b> Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai và gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;</p>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được tên thứ tự hôm qua hôm nay và ngày mai.</li> <li>- Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn mẹ dặn ngày mai làm việc gì?</li> <li>- Gọi tên các thứ trong tuần.</li> <li>- Nói được ngày đầu, ngày cuối của một tuần theo quy ước thông thường</li> <li>- Nhận biết hôm nay, hôm qua và ngày mai:vd: hôm nay con được nghỉ, ngày mai con đi học.</li> <li>- Nhận biết ngày trên lịch trong tuần</li> </ul>                                                                                                                                                                                                       |
| <p><b>Chỉ số 49.</b> Xác định giờ đúng trên đồng hồ.</p>                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được giờ chỉ trên đồng hồ ( Vd: bây giờ là 2 giờ, 3 giờ)</li> <li>- Trẻ tự xoay kim đồng hồ và nói giờ đúng trên đồng hồ theo yêu cầu</li> <li>- Trẻ biết kim ngắn chỉ giờ, kim dài đặt số 12 sau đó xác định đúng giờ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <p><b>Chỉ số 50.</b> Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên;</p>                    | <p>Nhận ra và sắp xếp hoặc giải thích các tranh về sự phát triển theo trình tự các giai đoạn phát triển của cây, con hiện tượng tự nhiên. VD: hạt, hạt nảy mầm, cây non, cây trưởng thành...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên các mùa trong năm nơi trẻ sống.</li> <li>- Nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó: VD: Mùa hè: nắng nhiều, khô, nóng, có nhiều loại quả, hoa đặc trưng (kể tên): mùa đông: nhiều gió, mưa, trời lạnh, ít hoa quả hơn mùa hè (kể tên một số loại hoa, quả đặc trưng)</li> </ul>                                                                                                                                                    |
| <p><b>Chỉ số 51.</b> Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm;</p>                      | <p>Nhận ra những đặc điểm giống nhau giữa các vật như màu sắc, hình dạng, kích thước, công dụng, chất liệu, nhóm động vật, thực vật... và tự đặt tên cho nhóm dựa trên đặc điểm chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm một số đồ vật, con vật, cây cối, PTGT gần gũi theo đặc điểm chung.( Theo 1 đến 2 dấu hiệu)</li> <li>- Trẻ gọi tên nhóm đồ vật theo đặc điểm chung: nhóm đồ dùng bằng nhựa, nhóm màu đỏ, xanh....</li> <li>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</li> <li>- Các nguồn nước trong môi trường sống</li> <li>- Một số đặc điểm và tính chất của nước</li> <li>- Một số đặc điểm và tính chất của đất, cát sỏi.</li> </ul> |
| <p><b>Chỉ số 52.</b> Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống.</p> | <p>Nói được mối liên hệ đơn giản giữa con vật cây cối và CS sống (VD: Cá chỉ sống được dưới nước...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể mô tả một số đặc điểm giúp động vật/thực vật thích nghi với môi trường.</li> <li>- Giải thích được lý do vì sao một số loài động</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                  | <p>vật/thực vật sống ở môi trường nhất định (VD: Vì sao cá không sống trên cạn...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa</li> <li>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</li> <li>- Giải thích không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây</li> <li>- Giải thích được lợi ích của nước với đời sống con người, con vật và cây</li> </ul>                                             |
| <p><b>Chỉ số 53.</b> Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn;</p>                                                                                                    | <p>Nhận biết và gọi tên các thiết bị công nghệ quen thuộc như: điện thoại, máy tính bảng, máy tính, tivi, máy chiếu...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách bật/tắt thiết bị theo hướng dẫn (ví dụ: bấm nút nguồn trên tivi).</li> <li>- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên sử dụng các thiết bị công nghệ trên một số ứng dụng: youtube, google: Tìm cho cô một số hình ảnh về chú mèo...</li> <li>- Chơi trò chơi hỗ trợ học tập trên ứng dụng powerpoint: Trò chơi đi tìm chữ cái, hái quả....</li> </ul>        |
| <p><b>Chỉ số 54.</b> Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hằng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số.</p>                                                                          | <p>Trẻ biết thực hiện các bước đơn giản để giải quyết một tình huống, vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết sử dụng thiết bị công nghệ số (máy tính bảng, điện thoại, máy tính...) để hỗ trợ giải quyết vấn đề phù hợp lứa tuổi.</li> </ul> <p>Ví dụ: Cô ơi, không hiện lên → Con bấm nút nguồn.” Tự hỏi: “Sao không có hình? À chưa mở.”</p> <p>“Con muốn xem tranh hoa → Con bấm tìm hoa.”</p> <p>Tìm video bài hát cần học theo gợi ý.</p>                                                                              |
| <p><b>5. Thẩm mỹ.</b></p>                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <p><b>Chỉ số 55.</b> Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật;</p> <p>tương của bản thân trẻ em trong các hoạt động nghệ thuật và ứng dụng sáng tạo nghệ thuật vào cuộc sống.</p> | <p>Thể hiện cảm xúc phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện cảm xúc và vận động theo nhịp điệu của bài hát.</li> <li>- Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, bố cục... của tác phẩm, của sự vật hiện tượng.</li> <li>- Nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc.</li> <li>- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.</li> </ul> |

|                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                        | - Nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>Chỉ số 56.</b> Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống;                             | Thích thú với sản phẩm mình, bạn làm ra : VD: dùng ống giấy, ống tre để tạo ra hình con mèo, con thỏ, hoa thông làm con công và nói lên vẻ đẹp của sản phẩm đó.<br>- Trẻ biết bày tỏ ý kiến của bản thân đối tác phẩm nghệ thuật: con thích bức tranh của bạn vì bạn vẽ đẹp.                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Chỉ số 57.</b> Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật;                                              | Thích thú với sản phẩm mình, bạn làm ra : VD: dùng ống giấy, ống tre để tạo ra hình con mèo, con thỏ, hoa thông làm con công và nói lên vẻ đẹp của sản phẩm đó.<br>- Trẻ biết bày tỏ ý kiến của bản thân đối tác phẩm nghệ thuật: con thích bức tranh của bạn vì bạn vẽ đẹp.                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Chỉ số 58.</b> Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống;                                   | Trẻ nói được một số nghệ thuật truyền thống: múa, ca Huế, hò...<br>- Tự vận động minh họa/ múa, nhảy các điệu dân gian truyền thống của địa phương.<br>- Biết được một số dụng cụ âm nhạc truyền thống.<br>- Có ý thức học tập và giữ gìn nghệ thuật truyền thống.                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Chỉ số 59.</b> Có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống. | Có biểu hiện thích thú trước cái đẹp: Reo lên, xuýt xoa khi nhìn thấy đồ vật, cảnh vật đẹp...ví dụ: ngắm nghĩa say sưa khi nhìn một bức tranh đẹp, xuýt xoa trước vẻ đẹp của của một bông hoa, thích thú ngắm, vuốt ve những cánh hoa, reo lên khi nhìn cánh đồng lúa, chín, hoa cỏ xanh mơn mơn sau mưa..<br>Trẻ biết bảo vệ, giữ gìn các sản phẩm nghệ thuật cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống: Giữ gìn sản phẩm của mình, bảo vệ sản phẩm...không có những hành vi phá hoại cái đẹp trong thiên nhiên: Ngắt lá, bẻ cành, phá các đồ dùng |
| <b>Chỉ số 60.</b> Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc;                            | Thể hiện nét mặt, động tác vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc<br>- Trẻ thể hiện ý tưởng, sáng tạo cử động, động tác, điệu bộ phù hợp nhạc.<br>- Trẻ tham gia vận động theo nhạc một cách tự nhiên, tự tin.<br>(VD: vỗ tay, vẫy tay, lắc lư, cười, nhắm mắt...)                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>Chỉ số 61.</b> Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản                                    | - Các sản phẩm của trẻ. Bày tỏ ý tưởng của mình khi làm sản phẩm, cách làm sản phẩm dựa trên ý tưởng của bản thân. VD: Trẻ tự vẽ về ngôi trường và dùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| thân và nói về sản phẩm đó;                                                                                                                     | vật liệu thiên nhiên để làm thêm ông mặt trời cây cối ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Chỉ số 62.</b> Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật;                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện trí tưởng tượng và sáng tạo của mình qua vai diễn.</li> <li>- Thể hiện sự thay đổi cảm xúc phù hợp với tình huống trong vai diễn (vui, buồn, ngạc nhiên, lo lắng...).</li> <li>- Sáng tạo động tác hoặc vũ điệu phù hợp với vai diễn (nhảy múa khi làm nhân vật vui vẻ, đi nhẹ nhàng khi đóng vai mèo...).</li> </ul>                       |
| <b>Chỉ số 63.</b> Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói/cử chỉ lịch sự/nhân ái...). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra được cái đẹp,( bông hoa đẹp, bức tranh vẽ đẹp, búp bê xinh...).</li> <li>- Biết cắm hoa, tạo ra một số sản phẩm đẹp mắt, thông qua hoạt động góc nghệ thuật, hoạt động học tạo hình.</li> <li>- Có Những lời nói, cử chỉ hành động, nhân ái: hành động giúp đỡ bạn, biết nói lời hay, ý đẹp...</li> </ul>                                        |
| <b>6. Tiếp cận với việc học</b>                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Chỉ số 64.</b> Tò mò, thích tìm hiểu sự vật, hiện tượng;                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện sự thích thú tò mò trước sự vật hiện tượng.</li> <li>- chăm chú, khám phá tìm hiểu</li> <li>- Thích tìm hiểu cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới...)</li> <li>- Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Vì sao? ..</li> </ul>                                                                                                                   |
| <b>Chỉ số 65.</b> Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ và hoạt động;                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung vào một hoạt động hoặc nhiệm vụ từ 15-20 phút mà không bị phân tán bởi các yếu tố xung quanh.</li> <li>- Thể hiện sự hào hứng, tò mò, và tập trung đặc biệt trong các hoạt động khám phá, làm quen với chữ viết, số đếm, hoặc trải nghiệm khoa học.</li> <li>- Không có biểu hiện của sự mệt mỏi, không tập trung, nói chuyện riêng</li> </ul> |
| <b>Chỉ số 66.</b> Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng;                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối.</li> <li>- Nhanh chóng triển khai công việc, tự tin khi thực hiện.</li> <li>- Hoàn thành công việc được giao.</li> </ul>                                                                                                                                                        |
| <b>Chỉ số 67.</b> Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động;                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn.</li> <li>- Biết nhắc các bạn cùng tham gia.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                    |

|                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Chỉ số 68.</b> Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn</li> <li>- Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn.</li> <li>- Luôn thể hiện sự hứng thú, vui vẻ, đoàn kết trong lúc chơi</li> </ul>                                                                                                                                                                                                        |
| <p><b>Chỉ số 69.</b> Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân;</p>                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ chủ động bày tỏ ý kiến trong giờ học hoặc thảo luận nhóm.</li> <li>-Trẻ tự tin nêu cảm nhận về một sự việc , trẻ diễn đạt suy nghĩ cá nhân, khi tranh luận hoặc lựa chọn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                         |
| <p><b>Chỉ số 70.</b> Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.</p>                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Trẻ nhận ra vấn đề nho nhỏ trong sinh hoạt, chơi.</li> <li>- Trẻ biết nghĩ cách giải quyết phù hợp, đơn giản.</li> <li>- Trẻ có thể tự thực hiện hoặc nhờ người lớn khi cần</li> <li>- Có ý thức chờ đợi tuần tự khi tham gia các hoạt động.</li> <li>- Biết nhắc nhở các bạn chờ đến lượt.</li> <li>- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.</li> <li>- Không nói chen vào khi người khác đang nói lời người khác ....</li> </ul> |

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của trường Mầm non Hoa Mai. Đề nghị phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn triển khai xuống tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- PHT (th/h);
- TTCM, GV (th/h);
- Lưu: HSHT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Thế**